

Tác Giả và Tác Phẩm

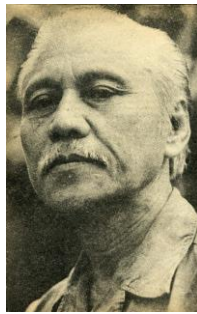
Quang Dũng (II)

Tiểu sử

Mất ngày 14.10.1988 tại Hà Nội

Tác phẩm

Mây đầu ô – truyện ngắn mùa hoa gạo.



Mục Lục

Nhân tìm lại bài thơ “Lính râu ria”...- Lại Nguyên Ân - 2

Lính râu ria - 5

Quang Dũng mây trắng xứ Đoài – Đỗ Lai Thúy – 6

Quán bên đường - 12

Đi tìm bút tích của cha tôi – Bùi Phương Thảo – 12

Chim ở rừng Na Hang – 15

Người thời xưa, thơ nay mới thấy - Viên Linh – 17

Quang Dũng – Bùi Giáng - 21

Phụ đính I:

Quang Dũng, thơ một thời...- Quang Dũng với âm nhạc

Nhà thơ Quang Dũng: cần tắc vãn...áy này

Tây Tiến, tuyệt chiêu...- Một lần gặp Quang Dũng

Kỷ niệm với nhà thơ Quang Dũng

Nhà thơ Quang Dũng như tôi biết

Người thời xưa, thơ nay mới thấy

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Nhân tìm lại bài thơ “Lính râu ria”, nói thêm vài chi tiết về nhà thơ Quang Dũng Lại Nguyên Ân

Tính đến giữa tháng 10/2008 này, đã chẵn 20 năm từ ngày chúng ta mất nhà thơ Quang Dũng (1921-1988); nhân dịp này xin giới thiệu lại bài thơ “*Lính râu ria*” của ông, đồng thời cũng có vài điều nói thêm về nhà thơ tài hoa mà phía sau các tác phẩm còn không ít điều nên tìm hiểu thêm, nhất là về những chặng đường đời của một nhà văn, một con người...



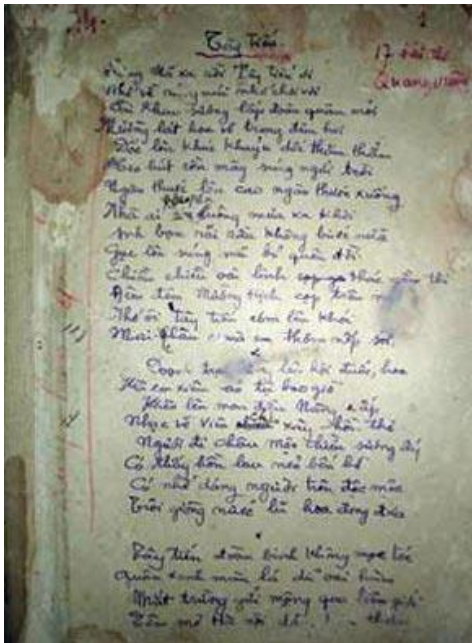
Bãi vải sơ tán.

Tranh vẽ ở một cuốn sổ tay khổ 13cm x 18cm,
bằng chất liệu màu nước. Vẽ trong khoảng 1965-1966
khi gia đình sơ tán ở Kim Châu, thuộc huyện Thanh Oai, Hà Nội.
Tên tranh bố em ghi ở góc tranh.

1. Về những bài thơ mà Quang Dũng viết hồi kháng chiến 1946-54, ngoài những bài như *Tây tiến*, *Mất người Sơn Tây*, *Những làng đi qua*, ... người ta cũng thường nhắc đến bài *Lính râu ria*. Nhưng, toàn bộ bài thơ ấy ra sao, hỏi mấy người biết ít nhiều về Quang Dũng đều lác đác nói không rõ. Bài thơ ấy không in trong mấy tập sách về Quang Dũng hồi những năm 1990, nên bây giờ không ai nhớ.

Nhân đọc lại báo cũ, tôi thấy bài thơ *Lính râu ria*, sáng tác từ 1948, vốn được chuyển tay trong bộ đội, đã được Quang Dũng đưa đăng lại trên báo *Văn nghệ* số 151, ra ngày 14/12/1956. Nhân giới thiệu lại với bạn đọc bài thơ này, chúng ta sẽ thấy lại ở đây không chỉ những nét riêng của những anh lính có gốc gác phố thị mà thời kháng chiến người ta đã định danh bằng mấy chữ “tạch tạch sè” (TTS = tiểu tư sản); với thời gian, ta còn thấy càng rõ lên ở họ cái chất nhân bản, cái tình người vừa thường tình vừa đẹp đẽ, một cảnh sống “đẹp và buồn”...

Tiện thể nói thêm, gần như ngay sau khi báo *Văn nghệ* của Hội Văn nghệ Việt Nam từ Việt Bắc trở về và ra mắt tại Hà Nội (từ 1/11/1954), Quang Dũng đã góp mặt như một phóng viên về đời sống văn hóa ở vùng thủ đô; ông không những viết về các hoạt động nổi bật như triển lãm mỹ thuật 1954, việc khai thác vốn cổ của văn công quân đội, buổi họp mặt của câu lạc bộ nhạc cổ thủ đô, v.v..., mà còn viết về sinh hoạt văn hóa ở các cơ sở xí nghiệp, trường học; chỉ nghe tên bài báo đã thấy rõ điều ấy: “*Độc bích báo nhà máy nước*”, “*Độc bích báo nhà máy diêm Hà Nội và nhà máy Gia Lâm*”, “*Độc bích báo hai trường Tân Trào và Trưng Vương*”, “*Công nhân nhà máy đèn đấu tranh cho thống nhất*”, v.v...



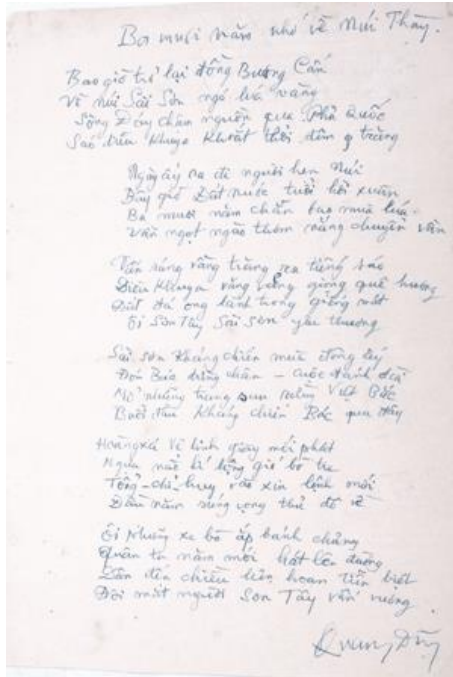
Bút Tích bài Tây Tiến

Coi thơ như khu vực sáng tác tâm huyết nhất của mình, Quang Dũng có không ít những trăn trở về thơ tuy rất ít khi ông nói ra; chỉ khi Hội Văn nghệ Việt Nam phát động việc “phê bình lãnh đạo văn nghệ” để chuẩn bị cho Đại hội văn nghệ toàn quốc 1956, người ta mới thấy ông hé ra qua bài “*Mấy ý nghĩ về thơ*”, đăng 3 kỳ *Văn nghệ* trong tháng 9/1956 (tôi vừa đưa in lại trên tạp chí “THO” số 10/2008).

Năm 1957, khi Hội Nhà văn Việt Nam thành lập và xuất bản tuần báo *Văn*, Quang Dũng lại là một trong những cộng tác viên đặc lực. Các bút ký về sinh hoạt văn hóa đời thường ở Hà Nội như các trò xiếc khỉ, diễn trò kèm với bán thuốc “cao đơn hoàn tán” cạnh bờ hồ Gươm... do Quang Dũng viết, rất sống động, vui nhộn; tiếc thay, trong mắt một vài nhà phê bình quyền uy thì nó lại là sự nhảm nhí các mảnh sống cũ kỹ, khi mà người ta đòi hỏi “con người thời đại” trên mặt tờ báo văn chương phải có ngay đường nét của con người xã hội chủ nghĩa! Vậy là mấy bài bút ký của Quang Dũng bị nêu tên phê phán, bên cạnh các bài “nặng tội” hơn của các tác giả khác.

Tất nhiên, sau này ngẫm lại, có vẻ như các chuyện về xiếc khỉ bờ hồ bị nêu tên ấy, chẳng qua cũng chỉ là dịp để người ta ngầm nhắc những lỗi có vẻ còn to hơn của Quang Dũng, ấy là việc trước đó ít lâu, ông có thơ (2 bài *Trên đường chiều thứ bảy*, *Những cô hàng xén*) đăng ở hai tập *Giai phẩm mùa thu*, sau lại có một bài nữa (*Có nhớ về đất Bắc*) đăng ở *Sách Tết 1957*, – một cuốn “hậu giai phẩm” – của nhà xuất bản Minh Đức. Cái lỗi “tòng phạm” ấy, Quang Dũng thật sự khó tránh, khi mà các báo chính quy của hội chính quy hồi năm 1956 chỉ giành rất ít chỗ cho những người như ông, đến nỗi một người cùng cảnh ngộ “ngoại vi” là Nguyễn Bính đã phải dựng lại tờ *Trăm hoa* của ông anh mình, để các bạn văn cũng lép vế như mình có chỗ đăng tác phẩm! Dù sao, lỗi của Quang Dũng cũng được coi là nhỏ thôi, nên không bị nêu tên trong các bản tổng kết hồi 1958; dẫu vậy, nghiệp thơ Quang Dũng trên đất Bắc cũng dần dần xem như bị “chìm xuống”, chứng cứ rõ nhất là không có bài thơ nào của Quang Dũng được đưa vào “*Tuyển tập thơ Việt Nam 1945-1960*” (Nxb. Văn học, 1960) do Xuân Diệu chủ trì và viết lời nói đầu, coi như không có tác gia Quang Dũng trong thơ giai đoạn ấy!

Có thể bạn đọc trẻ ngày nay không tin, nhưng sự thực là: hồi những năm 1960 ở miền Bắc, bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng chỉ được nhắc đến duy nhất trong một cuốn sách, đó là cuốn *Văn học Việt Nam* hiện đại (giáo trình Đại học tổng hợp Hà Nội) của Hoàng Như Mai, nhưng là nhắc đến *Tây tiến* với nhận xét phê phán về sự tiêu biểu cho những cái “rót” tiểu tư sản trong thơ thời đầu kháng chiến!



Ba mươi năm nhớ về núi Thầy
 Tư liệu của gia đình. Viết ngày 8-7-1976,
 đã in trong tuyển tập Quang Dũng và sửa
 tên bài là: Nhớ một bóng núi.

Sau này, khi Quang Dũng mất (1988), chính nhà giáo Hoàng Như Mai có dịp xác nhận cái sự thực từng phổ biến một thời, nghe như một sự lạ: “Các bài *Tây tiến*, *Đôi mắt người Sơn Tây*, *Đôi bờ*, *Anh lính râu ria*, v.v... của Quang Dũng được quá nhiều người thích và truyền tụng quá nhiều, vì thế ít nhiều anh bị ‘vạ vệt’ vì chúng. Rõ tội: chữ ‘tài’ liền với chữ ‘tai’...” (trích theo sách *“Quang Dũng, người và thơ”*, Hoài Việt sưu tầm biên soạn, Nxb. Hội Nhà Văn, 1990, tr. 19). Đặc sắc thơ Quang Dũng, trên thực tế, ngay trong những năm 1960, đã được văn giới ở miền Nam xác nhận và khẳng định. Cũng chính nhà giáo Hoàng Như Mai, năm 1988, kể lại: “Sau ngày các tỉnh phía Nam được giải phóng, tôi vào giảng bài ở thành phố HCM., có đọc sách báo Sài Gòn cũ. [...] Gặp anh giữa phố Hà Nội, tôi bô bô: Này ông Quang Dũng, Sài Gòn họ ca tụng ông ghê lắm, có đến mấy đặc san về ông. Anh vội xua tay nói khể: ‘Thôi xin ông, đừng nói với ai nhé! Tôi ân hận vì lơ đễnh’ (sách trên, tr. 19).

Dẫu sao rồi cũng đã qua đi cái thời có những sự lạ kỳ như thế, – nghe chuyện thơ mình được công chúng trong Nam khen mà chính tác giả lại thấy lo sợ đến bủn rủn chân tay!

Từ đầu những năm 1990, giá trị những bài thơ xuất sắc nhất của Quang Dũng đã được xác nhận. Ngày nay, nói đến thơ thời đầu chống Pháp, không một ai ít nhiều hiểu biết về thơ lại không nhắc đến bài *Tây tiến*. Nhưng xin đừng quên: điều có vẻ đương nhiên ấy đã không hề là đương nhiên, như ta vừa thấy.

2. Nhân nói về Quang Dũng, có một điểm tôi từng nghe nói, nhưng nay rất cần xác minh lại. Đó là một tình tiết thuộc tiểu sử Quang Dũng. Hồi 1990, khi làm công việc biên tập cho cuốn sách “*Quang Dũng, người và thơ*”, tôi được nghe các ông Trần Lê Văn, Hoài Việt kể tình tiết này, nhưng khi tôi yêu cầu hai vị ấy viết ra và đưa vào sách thì họ lại từ chối, cho là chưa đến lúc. Tình tiết đó, thiết nghĩ đến nay không còn là điều “nhạy cảm” gì nữa, nên cần nói ra và cần đi tìm người xác minh.

Đó là chuyện, đầu những năm 1940, Quang Dũng đã từng dần bước phiêu lưu sang đến đất Tàu, rồi, do tình huống nào đó, đã gặp Nguyễn Hải Thần (thủ lĩnh Việt Nam cách mạng đồng minh hội, gọi tắt là Việt Cách), được ông này coi như môn khách. Năm 1945, trong đoàn người của Việt Cách trở về Hà Nội, có Quang Dũng. Phía Việt Minh thấy Quang Dũng là người có thể tranh thủ được nên đã tìm cách tách ông ra khỏi nhóm gần gũi của Nguyễn Hải Thần bằng việc đưa ông đi học trường quân chính ở Tông (Tùng Thiện, Sơn Tây), từ đó Quang Dũng đi sang quỹ đạo của phía Việt Minh, tham gia đoàn võ trang tuyên truyền biên khu Lào-Việt. Đơn vị này được thành lập trên đất Thạch Thất-Quốc Oai hồi 1947, rồi di chuyển lên vùng Hòa Bình, Sơn La của Tây Bắc. Những bước chân hành quân hồi này đã đi vào thơ Tây tiến của Quang Dũng và ông cũng đặt dấu ấn của mình vào thơ Việt từ đó. Quang Dũng có kể về những ngày đầu của đơn vị này trong thiên truyện ký *Đoàn võ trang tuyên truyền biên khu Lào Việt*, viết năm 1952 ở Cổ Thành, Thanh Hóa.

Cách đây ít lâu, nhân nói chuyện với nhà thơ Vân Long, tôi được anh bổ sung cho một dị bản hơi khác chút ít, dường như do chính Quang Dũng từng tâm sự kín đáo với một vài bạn thân: khi theo chân Nguyễn Hải Thần về nước, Quang Dũng nhận ra phía Việt Minh mới là phía có chính nghĩa nên đã tự tìm cách liên hệ để thoát khỏi ảnh hưởng của nhóm Việt Cách; và ông đã đạt được mong muốn ấy. Trong việc này, ông được một cán bộ có chân trong thành ủy (ĐCS) Hà Nội giúp đỡ; Vân Long nhớ không chắc chắn tên người nên chưa vội ghi ra đây. Các bạn nghiên cứu trẻ, nếu muốn tìm hiểu rõ thêm về Quang Dũng, nên gặp một vài người như nhà thơ Vân Long và qua nhà thơ này tìm thêm các đầu mối ... mong manh khác.

Hà Nội, tháng 10/2008

Lính râu ria

Khuya khoắt bờ sông vắng
Lửa hồng quán tản cư
Lính mấy chàng vất vả
Tìm sống một đêm thơ

Một anh gọi cà-phê
Một người kêu thuốc lá
Một anh nhìn sau trước
“Chị ơi ly rượu nhỏ”

Rượu nhỏ một ly thôi
Đời lính đã kham rồi
Một ly cho đỡ mặt
Cho lên hương cuộc đời

“Chị ơi! Cháu ngủ đâu?”

Thế rồi bế con chị
Anh lim dim cúi đầu

Cô bé cười chúm chím
Mắt non nhìn như sao
Má hồng như trái mận
Mùa đang độ ngọt ngào

Bàn tay như rễ cây
Bộ râu như bàn chải
Anh hôn con người ta
Anh ôm ghì bé mãi

Cô bé năm tháng trời
Anh tuổi vừa ba mươi
Con anh giờ nơi đâu?
Anh mỉm cười rười rượi

Khi anh về đã xa
Chị dọn hàng đi ngủ
Chép miệng trong hơi chăn
Chị buồn chị không rõ

Khuya khoát bờ sông vắng
Tiếng súng rền xa xa
Bước chân người rạo rục
Tiếng hát chìm đêm xa

Kênh đào, cuối thu đông 1948

Quang Dũng, mây trắng xứ Đoài Đổ Lại Thúy

Sơn Tây là vùng đồi đất đá ong khô hạn, không hơi nước bốc lên, trời cao xanh và mây trắng. Sơn Tây là vùng trước núi, nơi người Việt cổ làm nương rẫy và đặt bàn chân đầu tiên khi bước xuống đồng bằng. Từ châu thổ họ đi tứ xứ, nhưng luôn nhớ về mảnh đất gốc, luôn thả hồn theo những đám mây trắng trôi về đạu đỉnh Ba Vì. Con cháu họ, những Tản Đà, Quang Dũng, phải chăng đã thừa kế ở họ dòng máu giang hồ và sự hoài niệm quê hương?

Chàng thanh niên Bùi Đình Diệm hoa niên cùng với văn học lãng mạn. Tiếng nói cá nhân cất lên từ cái bọc trăm trứng. Ông mê nhân vật Dũng của Nhất Linh và kẻ giang hồ "Rũ áo phong sương trên gác trọ" của Thế Lữ. Phải chăng bút danh Quang Dũng bắt nguồn từ đó? Có điều dòng máu giang hồ truyền kiếp kia nay nhờ văn chương lãng mạn mà có dung mạo cá nhân. Quang Dũng là một kẻ lãng mạn, lãng mạn đến chót mùa. Các nhân vật lãng mạn xưa xê dịch vì xê dịch bởi huyết quân sự sôi máu giang hồ. Họ cần tìm những không gian mới để thay đổi phong cảnh tâm hồn mình. Kháng chiến chống Pháp đã tạo cho Quang Dũng những chuyến đi, hơn nữa để đền nợ núi sông. Ông hăm hở tham gia vào trung đoàn Tây Tiến.

Bộ đội Tây Tiến được giao nhiệm vụ vượt Tây Bắc sang Lào để chia lửa chiến trường. Một cuộc hành quân chiến đấu gian khổ. Một con đường máu. *Tây Tiến* được Quang Dũng viết khi đơn vị đã xong nhiệm vụ trở về Phù Lưu Chanh. *Tây Tiến* với tính cách là nhan đề một bài thơ còn đôi

thêm một nghĩa nữa. Đó là một chuyến đi về phía Tây, phía núi, phía mặt trời, phía, theo quan niệm dân gian, của những người chết. Không phải ngẫu nhiên mà xưa nay nghĩa địa làng, những làng ma đều ở phía Tây. Và người chết đều được chôn chôn về hướng núi. *Tây Tiến*, như vậy, là từ - chìa khoá của bài thơ, bó lá dứa gai treo trước cổng những ngôi nhà tang tóc, điếm báo về những cái chết.

- *Anh bạn dãi dầu không bước nữa*

Gục bên súng mũ bỏ quên đời!

- *Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*

Áo bào thay chiếu anh về đất

- *Rải rác biên cương mồ viễn xứ*

Cái chết ở đây được nói một cách giảm nhẹ. Nếu dân gian tránh gọi trực diện cái chết và thay vào đó bằng các uyển ngữ, thì Quang Dũng nhìn nó qua lăng kính của ký ức: *Tây Tiến* là một thiên hồi tưởng. Hồi tưởng tức là có khoảng cách:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Chữ *xa* trong câu thơ đầu là khoảng cách không gian và thời gian, còn chữ *nhớ chơi vơi* trong câu thơ sau là khoảng cách tâm lý. Quả thực, sự gian khổ, chết chóc của con đường Tây Tiến ở đây, mặc dù đã được quay cận cảnh: *dốc thăm thẳm, dốc khúc khuỷu, ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống, súng nổ trời, gục lên súng mũ, thác gầm thét, cọp trêu người...*

Nhưng sự đặc tả đó lập tức bị xoá mờ bởi ống kính đã được lùi ra xa. Các chi tiết hiện thực được trùm phủ bởi các chi tiết lãng mạn: *hoa về, đêm hơi, chiều sương, sương lấp, mưa xa khơi, còm lên khói, thơm nếp xôi, hoa đồng đưa...* Nhờ được nhìn bằng những khoảng cách nghệ thuật như vậy, nên sự tác động của gian khổ, chết chóc với tính cách là một đối tượng thơ không chỉ dừng lại ở vùng cảm, nhất là ở bản năng, mà đã lên tới vùng thức.

Hơn nữa, thực tế gian khổ mà hào hứng của những năm đầu kháng chiến cũng đã được Quang Dũng nói đến trong bài thơ. Đó là những tối liên hoan lửa trại dọc đường hành quân, những điệu múa của người thiếu nữ dân tộc, cô gái "Mai Châu mùa em", dáng người đàn bà chèo thuyền độc mộc trên sông:

Doanh trại bừng lên hội đuốc, hoa

Kìa em xiêm áo tự bao giờ

Khèn lên man điệu nàng e ấp

Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy

Có thấy hồn lau nẻo bến bờ

Có nhớ dáng người trên độc mộc

Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

Con người lãng mạn Quang Dũng dù trong hiện thực khắc nghiệt đến đâu cũng tìm ra những yếu tố để mơ mộng. Không phải là sự mơ mộng lừa dối, mơ mộng để quên thực tế, mà là sự mơ mộng bốc lên từ sự lạc quan, từ chất người. Đó là loại người, như Pautovski nói, bao giờ cũng nhìn đường đi bằng cả hai con mắt: một con để thấy vũng nước, còn con kia để thấy những vì sao long lanh đáy nước.

Tây Tiến được viết theo thể *hành*, một thể thơ cổ phong Trung Hoa đã đạt đến toàn bích thời Đường. Thơ Mới cũng đã có thi nhân sử dụng thể này rất thành công: *Tổng biệt hành* của Thâm Tâm. Câu thơ bảy chữ (số lẻ) vững chãi và vần trắc mạnh mẽ đã lột tả được cái gian nan hùng tráng của hành trình Tây tiến. Những từ Hán Việt như *đoàn binh, biên cương, viễn xứ, chiến trường, độc hành...* kéo dài độ ngân vang đưa người đọc trở về cái không khí những bài thơ biên tái của Đỗ Phủ, Cao Thích, Sầm Tham. Nhờ sự liên văn bản (intertextualité) này, một lần nữa, người đọc bài thơ lại được lùi khỏi đối tượng thơ một độ lùi cần thiết bằng cả một

khoảng cách văn hoá.

Như vậy, các khoảng cách không gian và thời gian, khoảng cách tâm lý, nghệ thuật và văn hoá đã khiến bài thơ không sa vào *cảnh tượng*. Không như Baudelaire miêu tả cái chết của một con chó mà đếm đến từng con giò. Cảnh tượng sẽ chỉ tác động vào những cảm xúc bản năng của con người như sự sợ hãi, kinh hoàng, ghê tởm... Thơ cần phải vượt qua cảnh tượng để đến với *kinh nghiệm*. Bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng là kinh nghiệm về gian khổ, về chiến tranh, về cái chết. Kinh nghiệm, nhờ tính gián cách với đối tượng miêu tả của nó, có tác dụng lọc trong, có khả năng cải biến những cảm xúc sinh học thành những cảm xúc thẩm mỹ.

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người

Đoạn đường vào cửa ngõ Tây Bắc trong bài thơ là một bức tranh vẽ bằng mực Tàu của một họa sĩ bậc thầy. Các họa tiết vừa đậm nhạt vừa cụ thể, vừa ẩn vừa hiện. Có chỗ được sương khói (*sương lấp, đêm hơi*) xoa mờ đi, có chỗ được miêu tả cụ thể, chi tiết, được nhấn mạnh bằng sự lặp lại có tiến triển để mô phỏng sự leo dốc nặng nhọc (*Dốc lên thăm thẳm dốc khúc khuỷu, Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống*). Hình ảnh súng ngửi trời cũng vừa thực vừa ảo, vừa hiện thực vừa lãng mạn đã đưa độ căng cảm xúc của bài thơ lên đến đỉnh điểm để rồi oà vỡ bằng một câu thơ toàn vần bằng (*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*). Ai đã từng lên Tây Bắc thì đều có thể hình dung được đoạn đường mà trung đoàn Tây Tiến vừa vượt qua chính là đỉnh dốc Thung Khe, một thạch trận được thiên nhiên bày ra trước lối vào thung lũng Mai Châu. Nhưng các điệp từ ở hai câu cuối (*chiều chiều, đêm đêm*) lại lập tức vĩnh cửu hoá, phổ quát hoá một cuộc hành quân cụ thể để đưa đoạn thơ gia nhập vào những kiệt tác của nhân loại như *Hành lộ nan, Thực đạo nan...* Tuy nhiên, Tây Tiến không chỉ là kinh nghiệm về gian khổ, về cái chết, mà, quan trọng hơn, còn là kinh nghiệm về sự vượt qua gian khổ, vượt qua cái chết, quyết tâm đi đến mục tiêu cuối cùng. Bài thơ cũng còn trải trước mắt người đọc toàn bộ tám bản đồ Tây Bắc. Một vùng núi non trùng điệp càng hướng lên cao về phía Lào thì đám mây càng đậm. Đó là màu xanh của rừng, màu xám của đá núi. Đoàn quân Tây Tiến "da xanh màu lá" chầm chập xuyên rừng vượt núi, chiến thắng sốt rét tiến lên. Bên cạnh đó là dòng sông Mã sủi bọt trắng xóa đổ dồn về xuôi. Những kí - hiệu - con - chữ trên tám bản - đồ - bài - thơ chuyển động theo hai hướng trái ngược nhau tạo ra sức căng của tác phẩm. Trong ý nghĩa đó, dòng sông Mã là một biểu tượng. Nó chảy dọc bài thơ, qua cả ba đoạn, như là một sức mạnh bản năng, một xung lực vô thức, níu kéo, ngăn trở, làm cùn nhụt ý chí Tây Tiến. Dòng sông đục này lẫn khuất, ẩn hiện. Có lúc nó rất xa xôi, nhưng có lúc nó thật gần gũi:

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

Nó là *hồn lau* (linh hồn của cây lau hay linh hồn của người chết vì lau thường mọc trên những nấm mồ hoang) thấp thoáng dọc đường? hay là cô gái chèo thuyền độc mộc đang trôi theo dòng nước lũ? Chữ *dáng, dáng người, bóng dáng* khiến con người thực ấy thoát trở thành ẩn hiện, hư thực làm người đọc liên tưởng đến các nữ thủy quái của Homere chuyên hiện lên để chà mồi hồng cảnh bước chân những chàng Ulysse. Những bông hoa biết *đong đưa* (phải chăng cũng do nữ thủy quái hiện hình?!) trên dòng nước xiết càng làm tăng thêm cái cảm giác huyền hoặc đó. Dòng sông Mã bản năng muốn kéo con người xuống thấp, về xuôi, còn con

người thì muốn đi ngược, lên cao. Bằng những hình ảnh vừa cụ thể vừa biểu tượng, Quang Dũng đã phát hiện ra một cuộc chiến khác, cuộc chiến không phân địch ta, không phân chiến tuyến. Và các anh bộ đội Tây Tiến cứ làm lui đi bất chấp gian khổ (*đầu không mọc tóc, da xanh màu lá*), bất chấp cái chết (*Gục bên súng mũ bỏ quên đời, rải rác biên cương mồ viễn xứ*), ý chí mạnh như cọp (*dữ oai hùm*) nhằm phía biên thuý tiến tới (*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*), để lại sau lưng tiếng gầm thét bắt lức của con sông đang *độc hành* về xuôi...

Như vậy, cuộc tranh chấp giữa con người và thiên nhiên, giữa ý chí và bản năng cuối cùng phần thắng đã thuộc về con người, về ý chí. Giống như anh chàng tráng sĩ Kinh Kha xưa, những anh bộ đội Tây Tiến hồi ấy cũng nhất quyết một đi không trở lại:

*Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi*

Sau Tây Tiến, Quang Dũng còn những chuyến đi khác. Và con người giang hồ ấy càng đi xa, đi nhiều thì càng nhớ về quê hương. Như con thuyền phiêu bồng của Đỗ Phủ bị buộc chặt một mối tình nhà. Trong thơ Quang Dũng, đất đai, sông núi, con người xứ Đoài đã thành ám ảnh. Đặc biệt khi nó được nhìn bằng chính *Mắt người Sơn Tây*.

Sơn Tây là một vùng bán sơn địa, quê hương của đất đá ong. Đất đá ong chứa nhiều chất sắt nên mỗi khi trời giông bão thì bao nhiêu sấm sét đều bị hút về đây. Phải chăng vì thế mà người Sơn Tây thô mộc và cứng cỏi? Đất đá ong cũng là đất nghèo dưỡng chất. Bởi vậy con người muốn sống được phải dựa vào cộng đồng ở gia đình, họ hàng, làng xóm... Và nếu không sống được nữa, người ta phải bỏ quê mà đi. Những người Sơn Tây tha hương tách khỏi cái bọc cộng đồng trăm trứng dễ trở thành những cá nhân. Nhìn lại nơi chôn rau cắt rốn bằng con mắt của kẻ khác, người xa quê lại càng hiểu quê hơn. Nỗi nhớ quê trở thành hoài niệm. Vả chăng, Sơn Tây cũng có cái để nhớ. Ba Vì là ngọn núi thiêng của cả nước. Tản Viên là vị thần đứng đầu Tứ Bất Tử. Sài Sơn với Từ Đạo Hạnh là một trong những nơi lưu dấu tích đầu tiên của Phật giáo. Dòng sông Đà dữ dội và sông Đáy hiền hoà. Và vùng núi đá vôi Quốc Oai đẹp như một Hạ Long cạn...

*Em ở thành Sơn chạy giặc về
Tôi từ chinh chiến cũng ra đi
Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì*

Hai người Sơn Tây lưu lạc gặp nhau: anh, bộ đội và em, tản cư. Nhìn người nhớ cảnh. Và trong miền nhớ ấy của Quang Dũng, Ba Vì xuất hiện đầu tiên. Nhưng núi không hiện ra như một *cảnh tượng*.

*Núi Tản như con gà cổ đại
Khổng lồ mào đỏ thấp bình minh
(Thơ Huy Cận)*

Bởi, cảnh tượng do con mắt của người ngoài nhìn vào, còn Quang Dũng thì *sống* với núi từ nhỏ. khung trời xứ Đoài, không gian xứ Đoài luôn tồn tại một Ba Vì như một yếu tố không thể thiếu vắng: *Ba Vì tàng trán xanh, Thức với mây Đoài trắng lấm*. Có lẽ thế, khi đi xa, Quang Dũng không nhớ núi, mà chỉ nhớ bóng núi

Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì

Bóng ở đây có thể là bóng (dáng) Ba Vì trên nền trời tây mà núi đã tự khắc vào đó. Cũng có thể là mỗi khi xế tà, núi Ba Vì đổ bóng dài từ Bất Bạt chạy xuống Đan Phượng quê nhà thơ. Nằm trong khoảng bóng ấy (như trong bóng mây), mọi vật thẫm lại và trở nên xanh. Và cả thời gian cũng như xanh. Đang ở những không - thời gian khác, Quang Phú nhớ tới những *chiều xanh*, sự gặp gỡ kì diệu của không gian và thời gian qua bóng núi Ba Vì. Thơ Quang Dũng, như vậy không còn là cảnh tượng nữa, mà đã trở thành *kinh nghiệm*, kinh nghiệm về sự thiếu vắng của

cái không thể thiếu vắng.

Cùng với núi là mây, Tôi nhớ *xứ Đoài mây trắng lấm*. Cũng có thể *xứ Đoài mây trắng* thật. Mây với Quang Dũng tự do, là lãng du, là lang thang (*Mây ở đầu ô, mây lang thang*); trắng là màu của vịnh cửa. Mây trắng là sự tự do vịnh cửa, là cõi tự do vịnh cửa: *Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay*. Thế Lữ ngày xưa giữ thái độ không nhập thế: *Tôi bước đi bên cạnh cuộc đời, Trăm năm theo dõi đám mây trôi*. Quang Dũng ngày nay nhập cuộc, lang thang khắp cuộc kháng chiến cùng với những đám mây để nhớ về một cõi mây trắng: *xứ Đoài*.

Tản Đà lấy sông núi làm bút danh, một phần nhà ông ở dưới chân núi Tản bên dòng sông Đà, phần khác Đà giang hợp với tính cách của ông. Quang Dũng yêu dòng Đáy cũng một phần nhà ông nằm bên dòng Đáy, phần khác nó hợp với tính cách của ông. Từ Bát Bạt đến Đan Phượng là từ đồi núi xuống đồng bằng. Từ sông Đà đến sông Đáy là từ nguồn nước chủ động đến nguồn nước bị động. Sông Đà là hợp lưu của sông Hồng. Mùa lũ nó dồn nước của cả vùng Tây Bắc vào sông Hồng. Sông Đáy là phân lưu của sông Hồng, nó làm dịu bớt sự dữ dội của sông Hồng. Quanh năm con Đáy chảy hiền hoà giữa đôi bờ xanh tốt những bãi mía, vườn dâu, rặng nhãn.

- *Sông Đáy chậm nguồn qua phủ Quốc*

- *Mãi mãi xanh tươi nguồn Đáy chậm*

Thi nhân đã thả sự mơ mộng của tâm hồn mình vào dòng sông chảy chậm. Bát Bạt với núi Tản sông Đà là phần núi của Sơn Tây; Quốc Oai (trước đây bao gồm cả Đan Phượng quê Quang Dũng) với núi Thày sông Đáy là phần đồng bằng của nó. Hai miền đất, hai tính cách dường như được hợp lại ở Quốc Oai - một Sơn Tây bán sơn địa thu nhỏ. Bởi vậy, không lạ gì khi Quang Dũng tha thiết với mảnh đất này:

Bao giờ trở lại đồng Bương, Cấn

Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng

Sông Đáy chậm nguồn qua phủ Quốc

Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng

Bương, Cấn là những *làng đồi*, những làng đất đá ong. Đây là những làng gọi nên không gian sinh hoạt của người Việt cổ, nửa nương rẫy, nửa ruộng nước. Vườn vẫn là kiểu vườn rừng. Làng rất nhiều cây cổ thụ. Những con đường đá ong đỏ au lượn quanh làng rồi mất hút trong tán lá xanh. Nhà cũng được xây bằng đá ong, gọi là nhà đá (Thạch Thất). Đặc biệt trong làng có những giếng nước. Giếng không phải xây hoặc kê đá, mà chỉ việc đào xuống. Gặp không khí đá ong tự rắn lại tạo nên những thành giếng rất vững chắc không bị sụt lở như thành giếng đất. Đá ong còn là một bộ lọc rất tốt, nên nước giếng đá ong rất trong lành và thơm mát. Giếng không chỉ là con mắt của đất, mà còn là con mắt của làng. Bởi lẽ, nhiều sinh hoạt đời thường của làng diễn ra quanh giếng. Tâm hồn người dân đá ong, dân Sơn Tây cũng trong và mát, đơn giản và thắm sâu như giếng đá ong. Quang Dũng đã nhiều lần ví *mắt người Sơn Tây* như *mắt giếng*:

Mắt em như nước giếng thôn làng.

Những cô gái Sơn Tây nói riêng và người Sơn Tây nói chung chỉ giữ được đôi mắt ấy, trong sáng và thơ ngây, khi còn sống trong cộng đồng, còn sống *bằng* đời sống cộng đồng, dù là lam lũ, vất vả (*Cô gái Sơn Tây, Yếm thúng tày dần, Răng đen hạt nhót, Má hồng tròn niêu...* - Ca dao cổ). Nhưng khi bị chiến tranh làm bật khỏi mảnh đất quê hương, thì đôi mắt đã thay đổi:

Đôi mắt người Sơn Tây

U ẩn chiều lưu lạc

Thương vườn ruộng khôn khuây

Mà người Sơn Tây thì có nhiều lý do để mà lưu lạc lắm! Đất nghèo sống khó nổi. Đời sống bầy đàn không phát triển được, chiến tranh đến với mảnh đất này từ thời huyền thoại Sơn Tinh Thủy

Tinh: *Núi cao sông hãy còn dài, Năm năm báo oán đời đời đánh ghen.* Nhưng chỉ có bị bứt khỏi cuống nhau của cộng đồng, của đất gốc thì người Sơn Tây mới phát triển thành một cá nhân được. Ý thức cá nhân và cuộc đời lữ thứ lại càng làm cho họ tha thiết với quê hương. Xa quê thì lại yêu quê hơn. Đó tưởng như là một nghịch lý, nhưng hoá ra lại là một thuận lý. Bởi nếu ở quê họ chỉ là mình, còn khi xa quê thì họ vừa là mình vừa là kẻ khác. Và chỉ khi nào biết nhìn quê hương bằng con mắt của kẻ khác, kẻ xa (mất hoặc thiếu) quê hương thì đó mới là một tình yêu đã được thử thách.

Sự *u ẩn* mà Quang Dũng đọc thấy trong *đôi mắt người Sơn Tây chiều lưu lạc* ấy chứa đựng chứa đựng cả thời gian lịch sử của mảnh đất và con người. Đó là một *con chữ khảo cổ học*. Cũng trong bài thơ này, Quang Dũng còn một con chữ khảo cổ học nữa là *buồn Tây phương*:
Vàng trán em mang mùi quê hương
Mắt em dịu dịu buồn Tây phương
Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm
Em đã bao lần em nhớ thương...

Sơn Tây ở phía tây, nên có thể gọi là Tây phương. Nhưng Tây phương cũng là nơi đất Phật, bởi Ấn Độ cũng ở phía tây. Hơn nữa, Sơn Tây còn có chùa Tây phương nơi có những pho tượng đẹp nổi tiếng. Mà mắt Phật bao giờ cũng mang những nét đẹp của một con mắt Châu Âu với một nỗi buồn xa xứ, di sản của người Arinăng để lại. Đó lại là một Tây phương khác. Nỗi *buồn Tây phương* trong mắt người con gái Sơn Tây mang tất cả những âm hưởng trên. Các kích thước ngữ nghĩa trên xoắn luyến vào nhau, tạo ra một sự *nhòe nghĩa* gây một ấn tượng mơ hồ, khó hiểu, nhưng sâu đậm, ám thị. Trong kháng chiến chống Pháp, chủ yếu từ sau Bốn Chín, người ta muốn, kể cả ở thi ca, mọi thứ phải rõ ràng, hai năm rõ mười. Chữ *buồn Tây phương* chỉ được hiểu một nghĩa là phương tây, là châu Âu, là Pháp. Quang Dũng, kẻ lãng mạn đã phải đầu hàng hiện thực, đổi câu thơ thành: *Mắt em như nước giếng thôn làng*. Vẫn là một câu thơ hay, nhưng *grăng hay thì thật là hay*, mà khảo cổ học ngôn ngữ thì không còn. Thơ Quang Dũng, thoạt nhìn, chỉ là một sự nối dài của Thơ Mới. Vẫn những câu thơ năm chữ hoặc bảy chữ đều đặn, được xếp vào từng khổ bốn câu, giàu vần điệu, nhiều câu thơ giàu chất thơ, đẹp, thậm chí đẹp... Nghĩa là thơ ông vẫn ánh lên trong ánh sáng của mỹ học Thơ Mới. Bởi vậy, thơ Quang Dũng, nhất là *Tây tiến* và *Mắt người Sơn Tây*, được hâm mộ rộng rãi trong những ngày đầu kháng chiến. Nhưng sự cảm thụ cuộc sống có tính chất cá nhân, riêng tư, máu giang hồ lưu lạc, mặc dù có khi đã mượn lời cổ phong, cũng đã dần dần không phù hợp với thời cuộc.

Tuy nhiên, đọc sâu Quang Dũng, người ta thấy thơ ông có những chuyển động. Hiện thực của Cách mạng Tháng Tám và những ngày đầu Kháng chiến đã tác động vào mỹ cảm Quang Dũng. Điều này tạo ra ở thơ ông cái nhìn khảo cổ học tâm hồn. Cái nhìn xuyên thời gian này chỉ có được khi hồn người và hồn đất (nước) rung lên trong những cơn địa chấn, mạch đất nứt toác để dung nham vô thức từ đáy thăm phun trào lên. Nhờ thế, thơ Quang Dũng không chỉ dừng lại ở Thơ Mới mà đã bắc được một nhịp cầu sang bờ bên kia của thơ hiện đại. *Tây Tiến* (1948) và *Mắt người Sơn Tây* (1949) là hai đỉnh Ba Vì trong thơ Quang Dũng. Những bài thơ khác, trừ *Đôi bờ*, *Quán bên đường* và một vài đoạn trong *Những làng đi qua*, nhất là thơ viết sau 1949, sau Hội nghị Tranh luận Văn nghệ Việt Bắc, thì đều rất nhạt, thậm chí tầm thường, bởi đó là thể xác của những câu Thơ Mới một trăm phần trăm nhưng phần hồn, tiếng nói cá nhân của nó, thì đã thoát dương đi mất. Tuy nhiên, chỉ với *Tây Tiến*, Quang Dũng đã xác lập được vị thế Sơn thần của mình. Bởi lẽ, *Tây Tiến* là một trường hợp thơ chỉ một bước đã đi vào cổ điển. Nó vượt qua sự lưỡng phân cũ/ mới, truyền thống/ hiện đại để đạt đến sự nhất nguyên của cái đẹp, một giá trị nằm ngoài thời gian.

Sơn Tây, 8/2001

Quán bên đường

Tôi khách qua đường trưa nắng gắt
Nghĩ nhớ đây quán lệch tường xiêu
Giàn mướp nghèo không hứa hẹn bao nhiêu
Mùa gạo đắt, đường xa, thưa khách vắng
Em đắp chăn dày , tóc em trĩu nặng
Tôi mỗi hôm ra ngực áo chan chan
Hồn lính mơ qua vài sợi tóc
Đường tản cư bao suối lạ sương ngàn
Em mê sáng sớm hồng lên má đỏ
Em có một mình nhà hoang vắng quá
Mảnh chăn đào em đắp có hoa thiêu
Hàng cửa em chai lọ xác xơ nghèo
Tôi nhìn lại , mảnh quần xưa đã vá
Tôi chợt nhớ chúng ta không nhà cửa
Em tản cư tôi là lính tiền phương
Xa Hà Nội cùng nhau từ một thuở
Lòng rưng rưng thương nhau qua dọc đường

Tiền nước trả em rồi . Nắng gắt
Đường xa xa mờ mờ núi và mây
Hồn lính vướng qua vài sợi tóc
Tôi thương mà em đâu có hay .

Đi tìm bút tích của cha tôi Bùi Phương Thảo

Hà Nội trong những ngày đầu tháng năm này, thời tiết thật khác lạ. Đã tháng 4 ta rồi mà vẫn còn một vài đợt không khí lạnh bất thường. Gió và cát bụi như thốc vào mặt, thật nguy hiểm vì không thể nhìn rõ đường đi, con đường nhỏ ngoằn ngoèo đầy ổ gà dẫn vào làng Mơ Táo, phường Mai Động nơi có gia đình bác Ngọc Chương - một người bạn của cha tôi- nhà thơ Quang Dũng - lúc sinh thời , là bạn học từ nhỏ và là người “ đi hỏi vợ” cho cha tôi . Sau này, cũng nhờ có bác Chương lưu giữ mà còn lại được một số bài thơ tình đã giới thiệu trong tuyển tập in lần đầu của cha tôi. Tôi đến nhà bác Chương với mong muốn sẽ tìm thêm được chút tư liệu cho cuốn tuyển tập Quang Dũng sẽ ra mắt bạn đọc vào dịp cuối năm nay.



Bến Ngọc, tranh màu nước của Quang Dũng

Anh Nguyễn Quý Tân, một trong số 6 người con trai của bác Chương là người hiện đang trông nom tủ sách của cha mình, niềm nở đón tôi vào nhà. Khu vườn Mơ Táo, cây cối um tùm ngày trước giờ đã thay bằng dây nhà kang trang, trông ra một hồ nước (tôi còn nhớ như vậy do lúc nhỏ hay được bố cho đi đây đi đó cùng). Anh Tân cẩn thận lấy từ ngăn tủ sách xuống cho tôi xem những cuốn sổ tay của bác Chương với lời dặn: “ Em cứ đọc đi, quyển nào có thơ hay ghi chép về bố em thì anh tặng luôn”. Tôi vô cùng cảm ơn anh và thầm xin phép bác Chương vì tôi biết đây là những góc khuất riêng tư nhất đối với một người ưa viết. Tôi và anh Tân cùng tìm soạn và thấy hầu hết cuốn sổ nào của bác Chương cũng có ghi chép về cha tôi, khi thì cả một bài, lúc là một câu thơ, khi thì ghi chép những kỉ niệm vui buồn ...những bức ảnh và chữ nghĩa của cha tôi được bác phô tô và dán vào nhiều quyển sổ to nhỏ khác nhau. Có những cuốn sổ từ năm 1940, đôi chỗ đã sờn gáy, bạc màu nhưng nét chữ của bác còn nhìn rõ. Cha tôi vốn là người không lưu tâm giữ lại những tác phẩm của mình sáng tác, có những bài thơ làm xong thì tặng lại ngay cho một người bạn mình quý mến hoặc tự tay chép thơ tặng nhưng lại chép vào sổ tay của bạn và quên mất mình có những bài thơ như thế.....Bài thơ *Nhớ chuyện xa* là một trường hợp như vậy. Trong trang cuối của cuốn sổ tay bìa nâu có dòng chữ viết to nắn nót với tựa đề: Quang Dũng trong lòng bạn - là bút tích bài thơ, cha tôi ghi: *Kỉ niệm cho Chiêu Dương 2 bài mới làm*. Đây là bài thơ chưa có trong tuyển tập và chưa công bố. Toàn bài thơ như sau:

Nhớ chuyện xa*

*Em ơi vườn ổi thơm ao
Nước xanh còn động hôm nào tiếng em
Hai mươi tuổi mộng êm đềm
Ta mang trong trắng đi tìm thanh cao
Thơ sao bước bước tình đầu
Vườn sau hơi thở ngạt ngào đêm hương
Ta đi mùa cỏ đầm sương
Hoa ngâu buổi ấy thơm đường mừng em*

*Hai mươi tuổi mộng êm đềm
Vườn xưa dấu muốn đi tìm được chẳng
Đường xa, chuyện đẹp trong lòng
Đành khuấy nổi mỗi lần trang nhớ người*

5/1960

* *Bài thơ còn có tên là: Mùa cỏ/ Mùa ổi.*

Vậy là tôi lại được gặp “Cô gái vườn ổi”, sau này còn xuất hiện trong bài thơ *Không đề* (1970) với kí ức “ Em mãi là hai mươi tuổi/ Ta mãi là mùa xanh xưa/ Giữ trọn tình người cho đẹp” . Chắc chắn một điều cả hai bài thơ chỉ nhớ về một “Cô gái vườn ổi” mà thôi. Trong một truyện ngắn, cha tôi lấy tựa đề là *Những trái ổi chín* (lại là ổi), và hương thơm vườn ổi năm nào vẫn như cuốn theo cha tôi, đẹp mãi!

Cha tôi còn vẽ rất nhiều tranh, có những bức tranh treo ở nhà, một thời gian sau không nhìn thấy đâu cả, chúng tôi có hỏi thì cha tùm tùm cười và nói: “ Bố tặng rồi “. Và tôi vô cùng thích thú khi tìm thấy “bằng chứng” về việc này. Trong một cuốn sổ khác của bác Chương, tôi đọc được một bức thư nét chữ còn rõ, được bác Chương dán vào sổ tay của mình: “ *Anh Ngọc Chương. Tôi mang 3 bức tranh biếu anh, mừng tuổi 60 của anh. Ba bức ấy có tên là : 1/ Cây bàng. 2/ Đường ven làng Tây hồ (có cây gạo và xe ngựa). 3/ Vườn Nhật Tân (có hoa đào về tháng chạp...năm 1960). Bức Cây bàng tôi rất quý và chắc anh cũng vừa ý. Chỉ xin phép anh tới năm 1985 thì anh lại cho tôi được giữ , chắc lúc đó tôi sẽ cũng có một cuộc họp mặt vào quãng 65 tuổi, giống như anh ngày nay. Tôi có tí việc, hôm mùng 6 này, không xuống uống chén rượu vui tuổi lên lão của anh kịp . Xin hẹn đến 1985. Quang Dũng . Mùng 3 tết 1980.* Đúng là chỉ có cha tôi mới có cách tặng quà độc đáo và hành xử hồn nhiên như vậy với bạn bè, cha như người bị lạc vào một cõi tạm. Hiện nay, gia đình tôi còn giữ một số bức tranh, bức Cây bàng tôi đang treo tại nhà cùng một số tranh khác của cha. Anh Tân còn lấy ra một bức tranh nhỏ đưa cho tôi, bức tranh bằng chất liệu bột màu, vẽ một bến sông có nhiều thuyền neo đậu, xa xa là chập chùng đồi núi... rộng hơn khổ giấy A4 , phía góc phải tranh có ghi: *Bến Ngọc sông Đà, mùng 4 tết năm 1960. Lên thăm ông Sự- Mùa sông Đà cạn. Nhớ lại năm 1947, ngược lên Tây Tiến từ bến này. Quang Dũng.* Tôi không biết nhân vật có tên là Sự (ông Sự) ghi trong bức tranh này có còn không ? Nếu còn thì thật quý hóa, thế nào tôi cũng tìm gặp và tặng ông một phiên bản của bức Bến Ngọc!

Tôi còn nhớ hồi gia đình sinh sống ở phố Bà triệu, bức tranh này được treo ở trên nóc chiếc lò sưởi, mẹ tôi rất thích và sau đó một thời gian đã mất công tìm mãi ở nhà không thấy. Mẹ tôi luôn nói: “ Tiếc quá, mất đâu bức tranh bố vẽ Bến Ngọc!”. Gia đình chuyển nhà nhiều lần nên mẹ tôi càng đinh ninh bức tranh bị thất lạc trong quá trình dọn dẹp (Dù đã tìm lại bức tranh thì giờ đây, mẹ tôi cũng không còn nhận biết được vì tuổi cao, sức khỏe và trí nhớ bị giảm sút sau mấy lần bạo bệnh). Nâng niu bức tranh đã bị rách, bốn góc phải “bằng bó” và phía sau bởi bằng một tờ bìa mỏng trông thật “ tội nghiệp”, tôi không khỏi bồi hồi khi hình dung ở trên bến Ngọc này, cách đây hơn 60 năm, một đoàn trai tráng trẻ tuổi - những chàng trai Hà Nội một thuở tràn đầy sức xuân, hăng hái nhận nhiệm vụ lên Tây Tiến, bảo vệ biên giới Lào- Việt trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong đoàn quân ấy có cha tôi, và bài thơ Tây Tiến đã ra đời sau khi cha rời xa đơn vị ít ngày. Bài thơ Tây Tiến cũng thật vinh dự vì là bài thơ được mừng sinh nhật lần thứ 60 (tuổi), do các cựu chiến binh Tây Tiến - những đồng đội của cha tôi tổ chức năm 2007, giáo sư tiến sĩ Lê Hùng Lâm (một chiến sĩ Tây Tiến) làm trưởng ban liên lạc. Một ngạc nhiên nữa khi tôi được anh Tân cho xem tấm ảnh của bà Giáng Kiều (một kịch sĩ trong đoàn kịch của Thế Lữ) tên thật là Kiều Dinh - một trong bốn chị em gái rất đẹp ở phố Hàng Bông những năm 1940. Anh Tân nói vui: “Người trong mộng của bố anh đấy!”. Tôi chỉ có thể thốt ra :Thật là đẹp! Chữ *kiểu* trong tên bà Kiều Dinh ngày ấy được cha tôi “mượn” của bác Chương làm danh từ chung để đưa vào bài thơ Tây Tiến , làm nên một hình ảnh lãng mạn cho bài thơ : (Mắt trừng gửi mộng qua biên giới / Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm) và còn nhiều nữa, nhiều nữa những trang viết trong các cuốn sổ tay. Một bức ảnh đen trắng chợt rơi ra từ trang sổ , bức ảnh chụp rất nhiều người và có ghi chú chụp từ năm 1941 khóa học 1937-

1941, trong đó có đánh dấu bác Chương và cha tôi đứng ở hàng trên cùng. Tôi phải dùng chiếc kính lúp mới nhìn rõ được khuôn mặt của cha tôi - tôi chợt nghĩ, cũng may là dáng dấp cha tôi cao lớn nên đứng cuối cùng không bị lấp hết- khuôn mặt thân yêu với nét cười hiền hậu thoáng qua, khuôn mặt vẫn luôn in dấu trong tâm khảm tôi, xa rồi tôi đã hơn hai mươi năm nay....

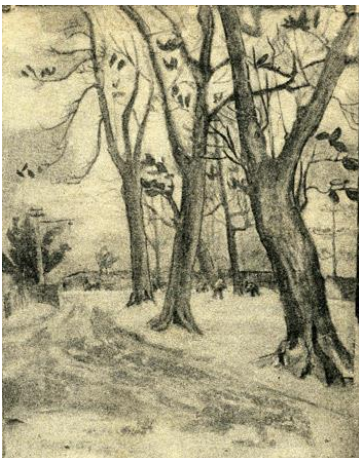
Cơn gió mùa lạc lững đầu hạ làm cho trời tối nhanh hơn, mưa lác rác đủ làm cho những đám bụi đường tạm lắng xuống. Tôi tạm biệt gia đình anh Tân, ra về với một chồng sổ tay và bức tranh Bến Ngọc, kỉ vật quý giá của cha tôi. Những cuốn sổ đầy ắp kỉ niệm là một minh chứng về tình bạn trong sáng của bác Chương với cha tôi. Giờ đây, hai Người bạn chắc đã được sum họp - *Chia tay là đợi ngày sum họp/ ở chốn nào kia- cõi Niết Bàn/ Chén tạc chén thù mây với gió/ Đồi hồn muôn thuở hết cô đơn* (Thơ của bác Chương viết tặng cha tôi năm 2003).

Tôi có niềm tin chắc chắn rằng cả cha tôi và bác Chương đều rất vui, ở trên cõi toàn mây với gió kia vẫn đang dõi theo và cùng phù hộ cho tôi cóp nhặt được thêm những tư liệu quý giá, để tuyển tập lần này ra mắt bạn đọc tươi tắn hơn. Riêng tôi coi sự ra mắt cuốn sách sẽ như một lời tri ân của tác giả- nhà thơ Quang Dũng - cha tôi, tới những độc giả đã từng yêu mến thơ ông./.

Ngày 10 tháng 5 năm 2011

Con gái út nhà thơ Quang Dũng

Chim ở rừng Na Hang



Tranh Quang Dũng

Quang Dũng lên chơi Na Hang độ ba chục năm trước?

Đọc bài ký, thích nhất chỗ “cái tiếng kêu từng hồi của con cu róc. Cái tiếng ấy (...) không tả nổi (...) chỉ biết rằng khi ta đi đường rừng, bắt gặp một cái hoa chuối rừng (...) lại cũng đồng thời ngửi thấy một mùi ngai ngái của cỏ cây và cũng ngay lúc ấy, tiếng một con cu róc từng hồi kêu ở đâu bên kia suối, thì chao ôi! rừng sao mà sâu thăm thẳm”.

Năm 2009, ngồi trước máy vi tính một nơi đô thị, đọc cái tiếng cu róc kêu từ màn hình, chao ôi! rừng sao mà xa thăm thẳm! (Thu Tứ)

(...)

Mùa đông ở Hà Nội, những buổi sớm khi nghe Đài nổi nhạc thể dục, chắc nhiều bạn còn thò đầu ra khỏi chăn rồi lại thụt vào, tiếc cái ấm và ngại cái sáng mai buốt giá mù mịt sương lạnh. Mùa đông kể cũng buồn, chứ vui làm sao bằng được những ngày mùa xuân nắng ấm.

Nhưng, ở rừng Na Hang này, mùa đông lại vui nhộn vô cùng. Ở đâu mà sao kéo về lắm chim thể. Từng đàn chim như nhớ ngày tháng, từ những quê rừng nào xa mấy cũng rủ nhau về tụ họp. Nếu chim mà có biết làm lịch hàng năm như ta thì chắc là loài này phải ghi cái tháng chạp bằng chữ đỏ; và nếu một chú họa mi nào lại kiêm cả họa sĩ ắt nó phải vẽ thêm vào tờ lịch một chùm quả cọ chín mọng, căng bóng như những quả nho tây được xoa mỡ. Mùa đông chính là mùa cọ chín ở rừng. Quả cọ chín rụng lộp bộp xuống những tầng lá ở bụi cây dưới tàn mình. Lá cọ vốn đã căng mỏng giống như một cái mặt trống bằng da, một giọt mưa cũng đủ gõ kêu lên một tiếng bộp giòn tan. Một cơn mưa ở rừng cọ có khác nào một đội trống éch thiếu nhi khua đến thỏa thích? Có thể nói là mưa to ở rừng cọ, thật giống một trường nhạc được tháo khoán, tha hồ mà nện dùi rồi rít trên hàng trăm cái mặt trống.

(...)

Một đàn chèo béo bồng lao vút đến, trông như một tốp phản lực. Sở dĩ nói thế vì đuôi lũ chèo béo dài và đen, nhọn ở hai bên góc, lúc bay trông oai mà dữ như hai vệt khói phụt ra đằng sau. Ở đầu con chèo béo cò (hai cái lông dài ở đuôi nó giống hai cái cò phát phơ rất mềm mại, có đường cong mỹ thuật) lại có một túm lông xù lên như bờm ngựa dữ. Lông toàn thân đen tuyền, nhưng loáng nắng thì hơi óng ánh xanh nâu. Trông tốp chèo béo cò này lao đến, gấu ngựa ta cũng không dám chủ quan coi thường, vội nhe hàm răng, đớp đớp cái mõm đen chũm dậm dọ. Đàn chèo béo cò lượn đi lượn lại như muốn làm hoa mắt lão gấu ngựa bằng những cái cò dài cong vút sau đuôi. Mấy con bồng chanh đỏ, nhỏ như chim bạch yến hoàng yến, có cái mỏ đẹp như màu mai cua bể luộc, lợi dụng tình thế giữ miếng của đôi bên, lao đến mổ vào túm cọ chín mọng nhất, óng ánh màu tím. Nhưng những con bồng chanh đỏ này bay vù đi ngay vì có tới hàng trăm con chim phượng chèo và thầy chùa xanh đang ập đến, chao lên lượn xuống, màu vàng là sơn tiêu vàng, màu đỏ là sơn tiêu đỏ rồi cả mắt. Bọn họ đông quá. Gấu ta giơ tay phải thì mắt chùm quả bên trái. Giơ tay xua và chộp bên trái thì lập tức bị mắt chùm quả bên phải. Lại còn chóc chóc bị một cú mổ vào đầu đau điếng. Đó là những nhát búa ở cái mỏ đồ sộ của loài phượng hoàng đất. Bọn này chính ra không hay tranh ăn với lũ chim nhỏ và thường đứng hàng đàn ở dưới gốc cây, ăn trên thảm mục, bỏ cái mỏ nặng hơn đầu ấy xuống con mồi, tung lên rồi há mỏ đớp như những tài tử xiếc bắt bóng, tung cầu. Những quả cọ rơi rào rào xuống còn làm cho cả đàn cao cát làm trò tung đớp suốt ngày đến lúc no nê thỏa thích. Bọn cao cát họ với phượng hoàng này rất lạ. Người đi săn cho nó là một loài chim ngờ nghệch dễ bắn vì có khi nghe tiếng súng nổ, nó cũng vẫn ngờ ngác không bay vội. Chỉ khi trông thấy bóng người, con đầu đàn mới kêu hét lên, và thế là cả bọn ào ào bay trốn. Mà nào có nhẹ nhàng gì. Cao cát nặng có con đến năm cân. Mùa cọ, bọn này béo rất nhanh, và người ta đã rán nó được hàng lít mỡ màu xanh vàng. Thịt phượng hoàng đất rất thơm ngon, mỡ nó lại càng thơm. Trông cả đàn cao cát mỏ dài và to như cái búa ấy ghé nghiêng ngờ nghệch đứng ăn dưới rừng cọ, người ta gọi đùa bọn ấy là những lão phó rèn lười biếng nhưng lại có tính thích nghịch ngợm.

Ở trên cây cọ tuy đang có cuộc tranh bứt quả khá gay go giữa gấu và lũ thầy chùa xanh và cánh phượng chèo sắc sỡ, nhưng sự âm ỉ vẫn thua ở một cây cọ cách đó không xa. Cái đám chim này mới âm ỉ tợn. Đây là những con chim mà cái tên cũng rất hợp với cái nét: những chú chòang chòac. Bọn này kêu đến đình tai rức óc. Người ta vẫn không hiểu có mỗi một cái mỏ thì nó rĩa hạt bằng mỏ nào và kêu bằng mỏ nào mà nhộn nhạo cả một góc rừng lên. Nhưng quả thật lắm điều, to mồm (đúng ra phải nói là to mỏ) nhiều khi cũng có lợi, chẳng thế mà bọn chúng kéo đến cây nào thì cây ấy là của riêng của chúng. Những loài khác điếc tai, rức óc, đành phải

lánh xa. Bọn choàng choạc này trông cũng đã không có cảm tình, vì cái bộ lông màu xám của nó. Kể ra thành kiến như thế với anh choàng choạc cũng không oan, vì (...) anh ta là họ quạ, có mấy người mê được cái lão quạ đen (...)

Nhưng rồi giành nhau mãi cũng có lúc phải chán vì cuối cùng, con nào cũng ăn no nết điều ra. Rừng cọ vẫn rụng quả lộp bộp. Nắng chiều đồng khô hanh càng làm màu tím của quả chín thêm sẫm. Nó nề rồi, loài chim lắng nghe danh ca của mình cất tiếng hót. Bọn liều điều, bỏ chao, cu xanh, cu gằm ghi và cả đến bọn choàng choạc lấm điều cũng im bật. Tiếng con bách thanh đã nổi lên. Gã bách thanh này mặc một cái áo lông màu nâu đất, đầu gã màu gio, đuôi gã dài. Trông gã nền nã và lại mộc mạc, có cái bộ mã giản dị nâu sồng của những tay có tài nghệ vững vàng mà không ưa ăn mặc kiểu cách. Kể về màu thì đây, các em cứ đưa mắt một vòng lên các tàu cọ, các chùm quả, thì sẽ thấy cả một lớp khán giả màu lông đẹp lộng lẫy có, sặc sỡ có... tất cả ngậy dại lên vì cái hay của tiếng hót chú bách thanh này.

Này nhé các em xem: Chim “gõ kiến vàng” có túp lông gáy vàng, trông rất lịch sự và ngộ mắt. Chim bã trầu, cổ và ngực có màu lông đỏ tươi. Rồi vàng anh, tử anh, sáo mỏ ngà, cu xanh, cu cườm, chim trả lửa, đều là những loại tiểu thư công tử có bộ mã... đắt tiền, quý giá cả. Nhưng hễ gã bách thanh này mà đã cất tiếng lên thì các cậu đều mê mẩn và thấy thèm cái giọng hát quyến rũ của anh ta. Bách thanh có tài hót đủ các thứ tiếng chim. Lúc thì làm con yểng, lúc thì nó huýt bài của con sáo, lúc nó giả vờ làm con chim gáy và cao hứng lên nó còn bắt chước cả cái tiếng rất khó bắt chước là cái tiếng kêu từng hồi của con cu rốc. Cái tiếng ấy, tôi cũng không tả nổi được ra đây (...) Tôi chỉ biết rằng khi ta đi đường rừng, bắt gặp một cái hoa chuối rừng, ta lại cũng đồng thời ngửi thấy một mùi ngai ngái của cỏ cây và cũng ngay lúc ấy, tiếng một con cu rốc từng hồi kêu ở đâu bên kia suối, thì chao ôi! rừng sao mà sâu thăm thẳm. Ấy đấy, cái tiếng con cu rốc!
(...)

Mùa quả cọ này, đúng là ngày hội hè ăn uống linh đình (...)

(...) ngay cả những chú chim gõ kiến vốn là khản ăn các thứ hoa quả, chú này chỉ mê có kiến và thỉnh thoảng cũng đổi món bằng vài bữa lúa mới hoặc hạt cải đã gieo ở các vườn mùa thu, nhưng đến mùa quả cọ, gõ kiến cũng phải rời những rừng tre nứa vốn là quê nhà của chú mà tìm đến những rừng gõ xen cọ này.(1)

(Trích từ “Mùa quả cọ” trong tập Nhà đồi, nxb. Văn Học, VN, 1983)

Người thời xưa, thơ nay mới thấy Viên Linh

Kỳ trước trong mục Văn Học Nghệ Thuật của Người Việt, bài “Tài liệu văn học quý hiếm” nói về những bài thơ và tấm ảnh của thi hào Vũ Hoàng Chương (1915-1976) mới tìm thấy đã được bạn đọc từ Montréal Canada, Úc Châu, và California hồi âm sớm nhất. Tấm ảnh ủa vàng vì ảm thấp chụp thi hào hồi ở Hà Nội, lúc 24 tuổi, mái tóc rẽ hai đường ngôi, đã được bốn trong số các bạn đọc phục chế gửi lại cho chúng tôi, và vui thay, một nhịp cầu tự nhiên hiển hiện.



**Ảnh mới nhất của Quang Dũng.
(Hình: Tài liệu riêng của Viên Linh)**

Từ Úc Châu có hai bạn, trong đó một họa sĩ muốn có tấm hình chính, vì anh tốt nghiệp visual art ở xứ người, anh muốn phục chế để có được một tấm ảnh thật chính xác. Từ bài viết ấy, mấy câu chuyện văn nghệ thành hình.

“Kính chú Viên Linh, chú có biết hoặc nghe nói tới ông Trương G. trước đây là chánh sự vụ Nghiên cứu Kế hoạch và Pháp chế Phủ Quốc vụ Khanh đặc trách Văn hóa do cụ Mai Thọ Truyền phụ trách không? Nhà ông có nhiều thơ của cố thi sĩ Vũ Hồng Chương, hồi nhỏ (1974, 9 tuổi) cháu có đọc nhưng không hiểu lắm. Chỉ thích và nhớ một đoạn:

*... Cắm thuyền sông lạ một đêm thơ,
Trăng thượng tuần cao, sáng ngập bờ,
Đâu đấy Tâm Dương, sầu lắng đọng,
Nghe hồn ly phụ khóc trên tơ...*

“Nhưng cháu lại rất thích thơ của người em vợ của cố thi sĩ VHC là cố thi sĩ Đinh Hùng mà cháu cảm nhất là đoạn sau:

*... Hồn phiêu lưu trôi mộng đường sông núi,
Lữ khách buồn dừng gót trước thành xưa,
Và dòng sông tự lự dưới sương mờ
Ngày tàn hết, người về trên đất bạn...*

“Gia đình cháu mới qua định cư tại Mỹ được gần bốn năm. Nghề digital art này bà xã cháu học tại Mỹ (chứ ở Việt Nam bà làm bên ngành Y) hy vọng năm sau lấy được A.A degree.

“Nếu chú thấy tấm hình bà xã cháu phục chế đạt tiêu chuẩn thì cho cháu biết để cháu khen bà xã cháu.” (Trương K.)

Còn bạn đọc Trần H. ở Westminster cho biết tự học Photoshop qua sách vở, và cho biết: “Thi sĩ Vũ Hoàng Chương là một bậc danh nhân [mà tên tuổi] đã ghi vào lịch sử. Kế hậu sinh có bỏ ra một giờ để làm cho tấm hình của ngài đỡ bị thời gian làm hoen ố thì đâu có đáng gì.”


Từ Úc, bạn đọc Vĩnh L. viết qua email cho biết, bạn đọc bài Vũ Hoàng Chương trên bán tuần báo Việt Luận, thư bạn có hai điều khiến một nhà văn nghèo phải ngậm ngùi, đoạn mở đầu thì mới đọc đã vui, đọc đến đoạn sau thì niềm vui thấy mặn chát. Giá đoạn sau cũng tốt như đoạn trước thì hay biết mấy. Bạn Vĩnh L. viết: “Thời còn trẻ ở miền Trung tôi rất thích thơ văn của

ông, hay thuê và mượn truyện của ông viết về đọc.” Câu sau đó: “Khi định cư ở Úc, tôi cũng hay xem những bài viết của ông trong bán tuần báo Việt Luận...”

Tôi cho ông Vĩnh L. hay tôi không gửi bài Vũ Hoàng Chương, cũng như “những bài” ký tên tôi mà ông đọc trên Việt Luận, vì tôi không hề được báo Việt Luận mời viết bao giờ. Mà tôi thì chưa bao giờ viết văn bố thí. Nghe nói, trong giới báo chí Việt ngữ ở hải ngoại, giới làm báo Việt ngữ dư ăn dư mặc nhất là anh em làm báo ở Úc, vì chính quyền Úc yểm trợ báo chí của người tị nạn, chứ không khổ cực như anh em làm báo ở Mỹ. Khi còn trẻ ở Việt Nam, nhà văn nghèo chỉ vì tác phẩm vừa in ra, các nhà cho thuê truyện đã mua ngay một cuốn đem bọc bao nylon cẩn thận, không phải vì họ quý sách, mà vì họ đem sách ấy cho thuê, không bọc bao nylon, thì sờn bìa, ai đền cho? Không lẽ đến bắt đền các nhà văn khi in sách không bọc bao nylon sẵn? Rồi nếu không thuê thì đi mượn về đọc, như đọc thấy trong thư.

Đọc giả Vĩnh L. không có ý mỉa mai người viết, vì ông đi tìm tôi từ lâu, ông có làm thơ, muốn xin ý kiến tôi về thơ ông: “Lâu nay tôi cứ mong ước có được địa chỉ của ông là tôi liên lạc với ông liền, hôm nay mừng quá tôi vừa xem tờ báo thứ ba (?) của Việt Luận (số 2765) ngày 23 tháng 7, 2013 đọc bài ông viết về thi hào VHC có địa chỉ email của ông tôi vội vàng gửi thơ đến ông... Thơ tôi thì nhiều lắm, tôi viết được trường ca về hết các địa danh Quảng Nam, mới được 240 câu chỉ còn vòng quanh thành phố Đà Nẵng nữa là xong. Thưa ông như vậy có tốt không?”

Date:
Subject: *những độc giả biết và yêu thơ của bố cháu*
Một lần nữa cháu xin bày tỏ lòng biết ơn tới chú, qua chú tới những độc giả, bạn bè có tâm lòng hảo tâm đã giúp đỡ mẹ & cháu.
Kính chúc chú mạnh khỏe, luôn tìm được sự thanh thản trong cuộc sống và trẻ mãi.
Cháu: *Phạm Phương Thảo*
Địa chỉ: *Nhà phòng tập thể*
dệt kim
Quận Hai Bà Hà Nội



*Thư của Phương Thảo, cô con gái út của Quang Dũng.
(Hình: Viên Linh cung cấp)*

Bài này không có mục đích viết về sự việc đi thuê truyện hay mượn truyện về đọc là tốt hay không tốt, mục đích là viết về vài mẩu chuyện tác giả nhận được sau khi bài “Tài liệu văn học quý hiếm” về Vũ Hoàng Chương đăng trên Người Việt Thứ Năm, 18 tháng 7, 2013. Kỳ này là bài thứ hai: “Tài liệu văn học quý hiếm” viết về nhà thơ Quang Dũng.

“Thưa chú Viên Linh,

...

“Một trong những bài thơ Quang Dũng cho tới giờ 2013, chưa thấy in ra ở trong nước cũng như ở hải ngoại là bài Trưa Hè vì mấy bài có nhan đề Trưa Hè in trong sách Quang Dũng Tuyển Tập do Trần Lê Văn chủ biên, sách Thế Giới Văn Học Quang Dũng, Người và Thơ do Lại Nguyên Ân chủ biên, và Thơ Quang Dũng do Đặng Tiến đề tựa Lê Hữu Khóa chủ biên ở hải ngoại, cả ba cuốn đó in bài thơ đề Trưa Hè, mà thực ra là bài Mây Làng.

Bài ấy chỉ có hai chữ ‘trưa hè’ ở câu đầu, còn nguyên bài không nói gì về một buổi trưa mùa hè hết; đây là nguyên văn:

*Trưa hè bỗng nhớ sông quê
Nước xa không bóng thuyền đi đôi dòng
Thóc nhà ai có phơi không?
Chói chang lửa thóc sân trông bóng người
Vại mưa in dăng mây trời
Em soi bóng có nhớ người xa em?
Bờ tre gió đánh lá mềm
Thoảng say mùi nái bên thêm ai giăng
Xa quê dẫu chẳng võ vàng
Trông mây núi nhớ mây làng về trưa.
(Mây Làng, Quang Dũng) 1947-50”*

Nó thực sự là bài Mây Làng, trong sưu tập Viên Linh mà con gái nhà thơ gửi cho. Dưới đây mới là bài Trưa Hè nguyên tác, chưa từng đăng báo in sách bao giờ, chỉ xuất hiện trên Tác Phẩm Khởi Hành chủ đề Quang Dũng và báo Người Việt hôm nay:

Trưa Hè

*Nắng nặng đè lên phổi ép ran
Gió Lào hun nắng đốt không gian
Hồn trưa tịch mịch im trong cỏ
Đường bốc hơi xa thắm núi ngàn
Đôi quán nằm im trong bóng lá
Bộ hành thêm thiếp nhớ trung châu
Kèo kẹt võng đưa người xứ Bắc
Oán than Kiều lấy một vài câu
Người thấy tâm tư nặng trĩu buồn
Trưa hè hiu quạnh gọi cô đơn
Cảnh vật đắm chìm trong trống rỗng
Gió Lào hun nắng đốt ran ran.
Quang Dũng*

(Trưa Hè, 1947-50. Khởi Hành số 201, 7.2013)

Chúng ta thấy thật rõ, như thế mới là trưa hè: sức ép đè nặng khiến phổi nóng ran, gió như hun nắng, trưa tịch mịch, đường bốc hơi, quán nằm im, bộ hành thêm thiếp, võng đưa kèo kẹt, cảnh vật đắm chìm trong trống rỗng nặng trĩu. Như thế mới thật sự là Trưa Hè.

Xin liên lạc với tác giả:

phamconghk@yahoo.com

nếu quý bạn đọc biết có những gì là quý hiếm trong văn học.

Quang Dũng Bùi Giáng



*Mai chị về em gửi gì không
Mai chị về nhớ má em hồng*

Chỉ hai câu đầu đã khiến người tê lạnh. Không có gì cả, không lời nào tha thiết, nhưng đúng như ông Huy Trân nói: “Thơ Quang Dũng ý đã nhiệt thành, cao đẹp, mà lời thơ lại êm ái gợi cảm vô cùng. Nói về thơ nhẹ nhàng, êm dịu, mà đọc tới đâu lảng lảng chết cả lòng đến đấy, thì thi ca hiện đại chỉ có Quang Dũng.”

Thi ca hiện đại hay thi ca ngàn đời, thi ca Việt Nam hay thi ca thế giới – vâng – cũng chỉ riêng một Quang Dũng thôi.

*Mai chị về em gửi gì không
Mai chị về nhớ má em hồng
Đường đi không gió lòng sao lạnh
Bụi vương ngang đầu mong nhớ mong*

Đó là chỗ sỡn cùng thủy tận của ngôn ngữ. Ngôn ngữ thần tiên hiển hiện tinh thể một cách không thấy hình hài máu me đâu cả. Người ta đã bao đời đi tìm cõi huyền nhiệm của ngôn ngữ thơ. Mỗi phen trở về, mỗi phen như bó tay lắc đầu, tuyệt nhiên không biết ăn nói ra sao cả. Đành chỉ nói quanh co.

Và biết bao thy sỹ hoàng viễn đã nghĩ rằng, nguyệt rằng, mình sẽ suốt đời không làm một vần thơ nào cả - một phen để hội cái chỗ dị thường trống trải vắng vẻ trong lời man mác thiên tiên kia.

Lại có những nhà tư tưởng như Heidegger, viết bao pho sách lịch kịch nêu bao câu chất vấn u ẩn, đáo cùng vẫn chỉ nhằm mục đích nhiếp dẫn tư tưởng tới chỗ mép bờ bất khả tư nghị của thi ca.

Nerval sau những lần thành tựu cõi miền ngôn ngữ đó, ông bèn lao mình vào cõi ảm mật vô ngần của một nguồn siêu thực không tiếng không lời Les Chimères.

Apollinaire, sau phút dị thường bước lên tột đỉnh đam mê thiên nhiên kia, lập thời nhảy lùi làm thơ theo thể thái bông lông tầm phào, bất sá lam hồng tố bạch.

Mai chị về em gửi gì không?

Câu hỏi cũng lửng lơ như lời đáp cũng lửng lơ. Hỏi mà cũng không hỏi, không nói, không nói, không nhìn nhau...

Và chỉ sau khi lên ngựa, chia bào, con người mới để lòng mình bay tỏa khắp đường đi.

*Đường đi không gió lòng sao lạnh
Bụi vương ngang đầu mong nhớ mong*

Tâm sự của người đi, nhưng nhan đề là kẻ ở. Kẻ ở hay người đi cũng một tâm tình ly biệt. Đi giữa không gian, thì cũng như đứng ở trên dâu biển. Lòng sao lạnh? Vì lòng mang chứa tất cả khoảng vắng lạnh? Vì lòng mang chứa tất cả khoảng vắng lạnh không gian... Và tiếng “mong nhớ mong” kia cũng chỉ vọng vào được trong không gian xa hút mà thôi.

Nghĩa là vọng trở lại vào lòng mình. Từ lòng mình tỏa vào lòng vũ trụ. Lại từ lòng vũ trụ dội lại lòng mình. Đó là cái vòng kỳ ảo của mong nhớ mong. Và mong nhớ mong mênh mông như thế, thì mong nhớ mong là cõi của từ bi tế độ vậy.

Bởi vì nó mang hải lượng bao hàm. Nó bao dung rừng biển, sớm chiều, canh gà, sương hoa, cảnh hoang ngựa lạc. Nó đem thương mến phủ khắp hình hài vạn vật từ gần gũi tới xa tít dặm xa.

Quê chi về xa tít dặm xa

Vì đó là một quê hương nào riêng biệt nằm tại một bến bờ bỉ ngạn nào vô tức vô thanh, vô biên vô tế.

*Quê chi về xa tít dặm xa
Rừng thu chiều xao xác canh gà
Hoa rơi khắp lối sương muôn ngả
Ngựa lạc cảnh hoang qua lướt qua*

Ngựa lạc? Dẫn ngựa không lạc đường vẫn cứ là lạc nẻo. Nghĩa là: ở trong cõi hư không bao la như thế, thì đâu cũng là lệnh đênh, nhưng lệnh đênh theo nghĩa vô ngần: trụ vô sở trụ.

Người ngồi trên ngựa cũng lạc ngựa luôn. Hươu trong rừng cùng một cảnh ngộ lạc loài như nhau, lại tam trùng lạc lõng nhau, vì bất ngờ sợ hãi nhau, quay đầu bỏ chạy. Lời thơ lại thêm một chút niêm hoa vi tiếu “theo ngó theo”.

Ngựa chi dừng bên thác trong veo

Nếu thác đục lầy cho một chút, ắt có phần gần gũi bụi hồng hơn. Nhưng tại sao thác lại trong veo các có ra như thế? Thì trần gian còn biết đem tâm sự hồng trần ký thác vào đâu? Đó là chỗ đậm nhiên huyền bí lộ hỏa thuần thanh vậy. Nó đốt cháy linh hồn bằng một tiếng trong veo. Nhưng đốt cháy mà đâu có bỏng da bỏng thịt. Nó cháy để thả hoa cho linh hồn về ba la mật, sau một phút linh hồn tạm dừng trong một phen tư lự. Vì dù sao trận giũ áo cũng còn vương vịn với nhân nghĩa nhân tình.

*Ngựa chị dừng bên thác trong veo
Lòng chị buồn khi nắng qua đèo
Nơi đây lá giạt vương chân ngựa
Hư chạy quay đầu theo gió theo*

Rồi xẽ xin khóc một cơn vô ngần cho trùng sinh trong vĩnh biệt:

*Rừng đêm nhòa bóng nhớ hoang mang
Ngựa chị dừng bên thác sao vàng
Sao rơi đáy nước vương chừn ngựa
Buồn dâng đôi mi hàng lại hàng*

Ta lại gián tiếp với một sự tình kỳ dị. Nói ra là buồn dưng đôi mi hàng lại hàng, nhưng có bao giờ mối sâu mệnh mỏng và hầu như vô đối tượng lại tràn ra thành hàng lệ. Nhưng đây là hàng lệ riêng biệt của hư không đi về vui chơi êm đềm với không hư thái thiên nhiên tĩnh tịch. Người ta có thể khóc, nhưng không phải khóc vì một mối đoạn trường riêng tây trong một cảnh ngộ nhất định.

Hoặc đâu có phải bạ đâu khóc đó như bọn thi sỹ trung niên. Người ta khóc từ chín kiếp khóc về; như trận mưa vốn từ thiên thu rớt hột. Vì thế nên gọi là hàng lại hàng. Vì thế nên có chuyện sao rơi đáy nước. Vì thế nên có chuyện sao vương chừn ngựa. Chừn ngựa ở đây cũng mang đủ trùng quan thời gian vũ trụ nên mới có thể chạm vào bóng sao rơi từ thời gian tinh thể rớt về. Người và ngựa và sao và nước bỗng nhiên như nhiên đã đi vào cõi chung vạn vật nhất thể. Thì từ đó trở lại với đoạn đầu, từ câu hỏi mỏng lung tới lời đáp nhẹ nhõm, niềm mong nhớ mong là một tặng vật không lời, không nhất định là riêng biệt của riêng ai trao gửi lại cho ai. Người chị và người em kia cũng không có tên tuổi nào được hạn định nơi đâu. Đó là hai đứa con của trời và đất đẻ ra trong một mùa xuân hôn phối. Thì mai chị về em gửi gì không, là gửi cho chị hay cho ai? làm sao ta dám quyết định? Chỉ biết rằng: chị hãy nhớ má em hồng. Nghĩa là: mùa xuân xanh còn tồn lưu mãi mãi trong mùa thu ly biệt. Đó là tặng vật của em trời trao chị đất – nhớ má em hồng là ký ức kỳ ảo Mnémesyne.

Chẳng hiểu sao đọc thơ Quang Dũng, Nguyễn Du, Hồ Dzếnh, Huy Cận, tôi thường nghĩ tới người Chiêm Thành. Tội lỗi ông cha chúng ta đối với dân tộc ấy kể cũng được chuộc phần nào, cũng như ngày xưa Homère đã giải oan cho người Troyens bị đắm chìm bởi người Hy Lạp.

Mấy bài thơ của Quang Dũng như giữ lại cho mọi người một niềm tương ứng mệnh mỏng trong thời đại ngổn ngang oan nghiệt, thế giới cùng xô ủa nhau vào hủy diệt, tàn phá, trong những trận tấu hỏa nhập ma. Chiến tranh trong thời Quang Dũng dù sao cũng còn để lại cho người một dư địa để hoài niệm nhớ thương nhau. Nhưng dần dà, chút tình thương còn sót cũng mất đi giữa hỗn độn. Lúc bấy giờ e chỉ còn cửa quỷ đối thoại với nhà ma. Quang Dũng cũng linh cảm sự đó, nên bài “Đôi Mắt Người Sơn Tây” khép lại với mấy tiếng “bao giờ, bao giờ” ngậm ngùi khôn tả:

*Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn?
Về núi Sài Sơn ngóng lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn quanh Phủ Quốc
Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng*

*Bao giờ ta gặp em lần nữa
Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa
Đã hết sắc màu chinh chiến cũ
Còn có bao giờ em nhớ ta*

Khoảng trống lại trở về ngập khắp mép bờ ngôn ngữ. Như muốn đánh chìm hết mọi lời thân thiết đã thốt ra. Chúng ta không còn biết phải giải thích thơ Quang Dũng ra sao được nữa cả.

Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa

Nhưng có lẽ ông không tin ở ngày ấy, ông không nghĩ rằng ngày nở hoa ấy sẽ về. Còn có bao giờ em nhớ ta? Nghĩa là không còn có bao giờ nữa cả? Chúng ta sẽ tiếp tục chết hết. Người ta sẽ tiếp tục giết nhau cho tới buổi chung cục thời gian. Cuộc chiến tranh ngày nay không còn chút gì giống như chiến tranh những thời đại trước. Có những cuộc chiến tranh huy hoàng như một trận mưa rào rục rỡ, làm hồi sinh con người trong tâm thức từ bi. Nhưng có những cuộc chiến tranh vốn từ trong tinh thể là làm tan rã tiêu diệt mất bản tính con người. Ngay cả con ngọm, con đười ươi cũng không còn sống sót một móng nào hết cả. Thì như thế? Còn có bao giờ em nhớ ta?

Người ta nhầm lẫn một cách kỳ quặc cái ý nghĩa sơ thủy của chiến tranh. Cuộc chiến tranh bao dung của những ông Nguyễn Huệ, chiến tranh bác ái của những ông Napoléon, chiến tranh đó không còn tự nhận diện ra mình nữa trong cuộc chiến tranh tàn phá ngày nay. Tolstoi ngày xưa chẳng hiểu gì về Napoléon hết cả, cũng như chúng ta ngày nay chẳng hiểu gì cả về cuộc chiến tranh của chúng ta. Thật là rắc rối. Còn có một chân lý dị thường ẩn tàng trong Dịch Kinh của Khổng Tử đang khiến mọi người tư tưởng ngậm ngùi không còn biết phải thốt bất cứ một lời gì trong hiện trạng năm châu. Bài thơ Quang Dũng hiện ra tại chỗ chênh vênh bát ngát và thâm trầm nhất trong sử lịch con người. Nó chỉ đăm nhiên và thống thiết khơi rộng những khoảng trống vắng ra để cho mọi vấn đề được nhận định và tự tìm lời giải đáp.

Bàn luận quẩn mãi là vô lối. Chỉ nên thông dong đọc thơ như uống nước mía, như dõi theo cánh chuồn chuồn, như nằm ngủ gọi em Thúy Kiều em Thúy Vân em Đạm Tiên, em Hoạn Thư em Bạc Hạnh, em Sở Khanh, em Mã Giám Sinh, mọi mọi em em của em Tố Như Tử em Liệt Hộ em Thanh Hiên, em Hiền em Thánh, em Cảnh em Nhánh, em Trái Ót, em Muối Tiêu, em Soài Riêng sa rưng, em Bương Cấn em Sài Sơn...

*Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn
Về núi Sài Sơn ngóng lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn quanh Phủ Quốc
Sáo diều khuya khoắc thổi đêm trăng.*

Tuy nhiên riêng đối với học sinh đang tập đi thi để cuối năm cưới vợ thì chớ nên lẩn thẩn chiêm bao đọc thơ nhiều quá.

Phụ đính:



“Ba Vi” tranh bột màu của Quang Dũng

Quang Dũng, thơ một thời của một đời bất đắc chí Nguyễn Mạnh Trinh

Thi nhân yêu quê hương và hình như lúc nào trong tâm thức cũng lẫn quẩn những bước chân hay những hình bóng của quê nhà. Với Quang Dũng , quê hương là con sông Đáy hiền hòa một dòng lững lờ chậm rãi giữa hai bờ xanh tươi những bãi mía nương dâu. Quê hương là Bương , Cấn, là núi Sài Sơn, là những làng đồi, có những giếng nước trong soi đôi mắt cô thôn nữ đa tình:

“Bao giờ trở lại đồng Bương, Cấn
Về núi Sài Sơn ngắm lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn quanh Phủ Quốc
Sáo diều khuya khoát thổi đêm trăng..”

Sơn Tây, nơi có “ đôi mắt người Sơn Tây/ u uẩn chiều lưu lạc / buồn viễn xứ khôn khuây.” Sơn Tây, nơi “vùng trán em mang trời quê hương/ mắt em diu diu buồn Tây Phương/Tôi thấy xứ Đoài mây trắng lắm / em có bao giờ em nhớ thương/”

Bài thơ “ Đôi mắt người Sơn tây” mang cái u uẩn của người xa xứ , luôn hoài niệm nhớ về quê làng xưa, thôn ấp cũ. Chiến tranh làm mọi người trôi dạt , nhưng vẫn mong có ngày trở về , để nghe tiếng sáo thanh bình, thấy lại đỉnh Ba Vi, để thấy lại quê Bất Bạt...

Và , không phải Quang Dũng chỉ là một thi sĩ , mà ông còn là nhạc sĩ. Bài hát “ Ba Vi” thông dụng trong thời kháng chiến có những câu như:

“ Ba Vi mờ cao
làn sương chiều xa buông
gió về hương ngát thơm
đưa hồn về đâu?..
Một bản nhạc của tấm lòng yêu quê hương thiết tha!

Quang Dũng (1921-1988) từ trần vào ngày 14 tháng 10 năm 1988 thì vào ngày này mười lăm năm sau , năm 2003, tình cờ tôi giờ đứng một trang sách cũ viết nhân ngày kỷ niệm năm năm ngày mất của thi sĩ. Bài viết “ Khúc Độc Hành Quang Dũng” của một tác giả tên Văn Chinh đăng trong nguyệt san Văn Nghệ Quân Đội xuất bản ở Hà Nội tháng 10 năm 1993. Trong đó tôi tìm được một vài đoạn làm tôi suy nghĩ. Như:

“... Dọc con đường đến hiệu cà phê Hói, tôi cứ trần trần ngó tám lưng gấu hơi gù của Quang

Dũng, lòng cứ thắc mắc mãi. Một thân hình cao to quá khổ, mỗi bữa ăn hết một cân gạo cơm mậu dịch với năm mét phiếu vải và mười ba cân rưỡi gạo, ông sống thế nào nhỉ ?

Vậy mà ông đã đổ vạ cho tôi những tội danh “ anh hùng cá nhân tiểu tư sản”! Trong sổ tay chép thơ hồi tôi còn đi học có bài Tây Tiến. Bị phát hiện, tôi phải làm kiểm điểm. Tôi còn nhớ rất rõ những day dứt tự xỉ vả và cả quá trình phần đầu đầy nhọc nhằn xóa bài thơ khỏi trí nhớ và thần nhiên đốt cuốn sổ tay thơ. Cũng còn nhớ cảm giác chân thành thích thú rồi chân thành ghét bỏ Tây Tiến...”

Ở kia, tại sao một bài thơ có thể gọi là tuyệt tác của thi ca Việt Nam mà lại bị coi như tài liệu quốc cấm như thế?á. Tại sao mà phải nhọc nhằn xóa bỏ bài thơ , phải đốt bỏ, phải tự kiểm điểm để ghét bỏ nó.?Có phải vì chính sách chủ trương của lãnh đạo văn nghệ Đảng như vậy ?

Nhà thơ Quang Dũng đã tự nói về bài thơ tuy tâm huyết nhưng lại gây tai họa cho cuộc đời mình như sau trong bài viết “Nhớ về Tây Tiến “ in trong Sách Nhà Văn nói về Tác Phẩm , Nhà xuất bản Văn Học :

“.. Chúng tôi lúc đầu đi bằng ô tô, sau chuyển sang hành quân bằng đôi chân, thực sự nếm mùi Tây Tiến: mở rừng, ngủ rừng. Những cái dốc thăm thẳm” heo hút còn mây súng ngửi trời”, những chiều “oai linh thác gầm thét”, những đêm “ Mù sương Hịch cọp trên người” .. tôi mô tả trong thơ rất là thực... Hồi ấy trong đoàn chúng tôi có rất nhiều người sốt rét trở cả đầu. Trong điều kiện gian khổ, thiếu thốn nên bộ đội không những bị ốm mà còn chết vì sốt rét cũng nhiều. Chúng tôi đóng quân ở nhà dân cứ mỗi lần nghe tiếng cồng nổi lên, lại tập trung ra đến nhà trường thôn để tiễn một con người vĩnh biệt núi rừng. Tiếng cồng ở Tây Tiến thật buồn. Buồn đến nẫu ruột. Kể chuyện lại, bây giờ tôi vẫn nghe văng vẳng tiếng cồng... “

Tại sao một bài thơ mà mang lại nhiều hứng cảm cho tác giả đến cả mấy chục năm sau lại bị để ý và coi như là có “vấn đề” ? có phải vì thành phần “tạch tạch sè(tiểu tư sản)” của lý lịch tác giả? Hay vì lòng ghen tài của thợ thơ Tố Hữu người cầm cân nẩy mực lãnh đạo văn nghệ của Đảng ? Hoặc vì ý tưởng lãng mạn của bài thơ nói thực cái tâm cảm của một người yêu nước ? Chỉ biết, về sau, một tài năng thơ như Quang Dũng mà phải long đong mưu sinh và những tác phẩm sau cũng là những gượng gạo, những bước chân đi trong vòng kiềm tỏa, mang mang tâm thức của một người bất đắc chí làm lủi trong cuộc nhân sinh. Cơm áo bó buộc, ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, những nhu cầu tối thiểu của một con người cũng chưa đầy đủ, chưa nói đến cái nỗi hãi sợ cứ luôn ám ảnh. Hoàn cảnh ấy làm sao mà có được môi trường sáng tác tốt cho văn chương hiển lộ?

Nhà văn Phan Lạc Tiếp khi từ hải ngoại trở về thăm quê nhà có ghé đến thắp hương trên bàn thờ nhà thơ Quang Dũng và cảm khái :

“.. Và những ngày cuối đời của Quang Dũng thật buồn. Ốm đau nằm không còn nói được . Và đến lúc ấy, lúc nằm chờ chết , Hà Nội mới cho in tác phẩm của anh, “ Mây Đầu Ô “ vào tháng 5 năm 1986. bạn bè đến thăm và mừng tác phẩm anh phải nhờ con viết và ký hộ. Cứ vất vưởng như thế “ làm khổ vợ con”:

“ Răng long , đầu bạc lo cơm áo
Tay em : chìa khóa của đời anh
Cái nghèo đeo đuổi mãi không thôi
Chăn không có đắp , tiết đông rồi
Các con oán mẹ không tháo vát
các con trách cha không thức thời..”

Từ xưa đến nay, chiến tranh đã là một hứng khởi cho thi nhân. Chỉ có nỗi niềm của người chinh phu chinh phụ cũng đủ làm cho tâm tư người đọc rung động thiết tha với biết bao nhiêu liên tưởng trùng điệp. Có mấy ai không cảm thấy chất ngất qua những câu Lương Châu từ của Vương Hàn đời Thịnh Đường “Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi. Dục ẩm tì bà mã thượng thôi. Túy ngọa sa trường quân mạc tấu . Cổ Lai chinh chiến kỷ nhân hồi” mà cụ Vân Bình Tôn Thất Lương đã dịch:

”Rượu bồ đào, chén dạ quang
Ngập ngừng muốn uống tiếng đàn giục đi
Say nằm bãi cát li bì
Xưa nay chinh chiến kỷ người đi ai về”

Hay , đọc những câu Chinh Phụ Ngâm, những xúc cảm lại rưng rưng trong tâm thức. Những hùng tráng trộn lẫn với những thiết tha, nỗi nhớ mong cộng với niềm cô quạnh, tất cả làm thành một thế giới lãng mạn cho ký ức mỗi người . Những hình ảnh tạo dựng bằng thi ca đã thành những vệt ghi chép hằn trong bộ óc nhớ mãi tận ngàn sau.

Tôi lại nhớ đến những câu thơ Nguyễn Bắc Sơn. Những vằn hào sảng ngang tàng. Những hình ảnh đẹp mà buồn bã, những câu thơ hùng tráng mà vẫn đầy chất lời cuốn Thơ như những giọng tay đi vào một thế giới lửa đạn, những câu như :”... Ta vốn hiền khô, ta là lính cậu. Đi hành quân rượu để vẫn mang theo. Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo. ...” hay “ Lỡ mai đụng trận may còn sống .Về ghé sông Mao phá phách chơi. Chia sớt nỗi sầu cùng gái diêm. Đốt tiền mua vội một đêm vui...” “ Những nỗi buồn rất thật. Chiến tranh của những người yêu hòa bình, cảm sủng để tự vệ. Bao nhiêu năm , những thanh niên cùng huyết thống giết nhau vì trò chơi chủ nghĩa. Máu xương chồng chất, sinh lực dân tộc bị phung phí vào đấu trường bày ra bởi những cường quốc chia hai phe quốc cộng tương tàn lẫn nhau. Vì chủ nghĩa Cộng Sản ngoại lai, miền Bắc gây ra cuộc chiến để bao nhiêu bi kịch xảy ra suốt mấy chục năm cho dân tộc. Thơ Nguyễn Bắc Sơn buồn như tâm sự mênh mang thiên cổ, của tấm lòng thi sĩ sinh bất phùng thời . Thơ là kết tinh từ nỗi đau gửi gắm lại cho đời những hằn dấu chung mang của cả một thế hệ. Thơ có chia sẻ chung của những con tim đập những nhịp đập của thời quốc biến vang dội từ tiếng trống thúc quân xa xưa đến âm vọng chinh phu chinh phụ bây giờ. Tôi thích thơ Nguyễn Bắc Sơn bởi lắng nghe một mẫu số chung của thời đại chúng tôi từ ngôn ngữ chân thành và nhịp điệu giục giã . Những người lính, không chỉ đơn thuần là những chiến sĩ mà là những con người tràn đầy tình cảm. Thơ nảy sinh từ trái tim...

Trở lại bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng vẽ lại những hào hùng của những chàng trai Hà Nội.Theo lời nhà văn Mai Thảo khi còn sinh tiền hay kể về đơn vị đặc biệt này thì Trung đoàn Tây Tiến thành lập từ đầu năm 1947 gồm những chàng trai tiểu tư sản xuất thân từ thành thị. Họ xuất quân đi về phía biên giới Lào với những địa danh như châu Mai, châu Mộc sang Sầm Nứa rồi vòng qua phía tây Thanh Hóa. Lính Tây Tiến có những học sinh cũ các trường Bưởi, Thăng Long, Bảo Hộ ...như Quang Dũng , Vạn Thắng, Tuấn Sơn, Như Trang. .. Lại có những nhân vật đặc biệt như bác sĩ Phạm Ngọc Khuê, hay cô y tá nổi tiếng hoa khôi một thời của Hà Thành mỹ danh Phương Lan một thời đã làm rung động những trái tim trai trẻ....

Quang Dũng viết bài thơ trong cái hào khí một thời, chất ngất xúc cảm, đầy ắp không khí của Kinh Kha bên bờ Dịch Thủy:

“ Sông Mã xa rồi, Tây Tiến ơi
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi

Mường Lát hoa về trong đêm hơi.
Đốc lên khúc khuỷu đốc thăm thăm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi...”

Những câu thơ mang lại tai họa cho Quang Dũng. Những câu thơ mà ngày sau có người đọc lại bị lôi cuốn vào những xúc động trùng trùng. Thơ như những làn kiếm sắc, vút lên rồi loang loáng ánh trắng. Những ngôn ngữ có âm vang của đồng vọng thiên cổ, của những hy sinh vô bờ mà con dân nước Việt ra đi không tiếc nuôi xác thân:

“ .. Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Ào ào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành...”

Tây tiến là một cuộc hành quân qua Lào từ ngõ Tây bắc để mở một mặt trận mới nhằm chia sẻ chủ lực của quân Pháp. Địa hình cực kỳ hiểm trở, và cuộc di hành đầy gian khổ đói rét . Trung đoàn Tây Tiến sau cuộc hành quân trở về bị hao hụt quân số trầm trọng . nhưng, theo Đỗ lai Thúy thì nhan đề của bài thơ còn một ý nghĩa nữa :

“..Đó là một chuyến đi về phía Tây, phía núi , phía mặt trời lặn, phía , theo quan niệm dân gian, của những người chết. Không phải ngẫu nhiên mà xưa nay nghĩa địa làng , những làng ma đều ở phía tây. Và người chết đều được chôn chân về hướng núi , Tây Tiến như vậy , là từ (chìa khóa của bài thơ, bó lá dứa gai treo trước cổng những ngôi nhà tang tóc , diêm báo về cái chết.

Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục bên súng mũ bỏ quên đời..”

Nhưng cũng có lúc , sự lãng mạn đã đưa suy tưởng đến vùng liên tưởng xa hơn không gian và thời gian hiện tại. Mơ mộng giống như một sự thúc đẩy như hình ảnh vườn lê thơm ngọt của Tào Tháo gợi ra khi cả đoàn quân đang khát nước đến cực độ. Con người chiến sĩ cùng với tâm thức thi sĩ đã vượt qua những khắc nghiệt của chiến tranh, những gian nan của thiên nhiên cheo leo hiểm ác. Một phần xạ lạc quan của những người vì lòng yêu đất nước mà quên mình:

“ Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
kìa em xiêm áo tự bao giờ
khèn lên man điệu nàng e ấp
nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
người đi châu Mộc chiều sương ấy
có thấy hồn lau nẻo bến bờ
có nhớ dáng người trên độc mộc
trôi dòng nước lũ hoa đong đưa..

Những câu thơ diễn tả lại một tâm trạng của một thế hệ . Có câu thơ nào gợi lại cho chúng ta một cảm giác mạnh mẽ hơn câu thơ “ áo bào thay chiếu anh về đất . Sông Mã gầm lên khúc độc hành...” Chữ “ gầm lên khúc độc hành” thật nhiều gợi cảm, thật nhiều liên tưởng đến

những hình ảnh một thời hào hứng của đất nước chiến tranh.

Rồi câu “ mắt trừng gởi mộng qua biên giới. Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm...” lại bị phê bình là đầy chất tiểu tư sản mà mục tiêu nhắm đến của những cuộc đấu tranh giai cấp. Kháng chiến gian khổ mà còn nghĩ đến tình cảm lãng mạn ngại khó ngại khổ không chịu hy sinh!!!

Đảng chuyên chế muốn con người thành những bộ máy vô tri không yếu mềm tình cảm. Thành ra, chế độ ấy đã mang cơm áo làm vòng kim cô để trói buộc con người. Cũng như, những Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường một đời trí thức thông minh tài hoa hết mực mà bị chế độ trù dập đến khi chết mà vẫn còn thấy “ sợ “. Họ đánh vật với sinh kế chưa xong nói gì đến chuyện thực hiện những tâm đắc của đời mình. Một người như Nguyễn Tuân mà giới văn nghệ gọi là Nguyễn Bất Tuân với nhiều giai thoại cũng phải chịu khuất phục và thú nhận mình sống còn đến lúc đó là biết sợ.

Quang Dũng thời kháng chiến tài hoa là như vậy , anh dũng là như vậy mà sau này bị loại khỏi quân đội , làm một nhân viên có cấp bậc lương thấp kém nhất và lúc nào cũng lẩn quẩn với sinh kế, vật lộn đến hụt hơi với cái ăn cái mặc . Người ông to cao nên sức ăn cũng nhiều hơn người thường nên bị đói kinh niên. Thảm thương cho người thi sĩ khi qua một câu chuyện kể về một bữa ăn giữa Quang Dũng và Nguyễn Tuân . Khách là Quang Dũng ăn hết tám bát xôi thịt trong khi người mời là Nguyễn Tuân chỉ ăn có một bát . Và câu mời lễ phép “ Thưa ông , ông dùng nữa ạ?” của tác giả Vang Bóng Một Thời Với câu trả lời bình thản của Quang Dũng “ Vâng “ tới tám lần như một điệp khúc nói đau, của những người sinh ra làm thế kỷ . Một người văn võ toàn tài, biết võ nghệ , đánh kiếm , lại thơ văn trác tuyệt , thế mà cứ lủi thủi trong góc hẹp thành phố để có lúc phải thét lên trong Mây Đầu Ô :

Mây ở đầu ô mây lang thang
Ôai ! chật làm sao
Góc phố phường
Mây ở đầu ô
Hẹn những chân trời xa lạ...”

Cho nên, khi Quang Dũng được nghe những bài thơ như *Đôi Bờ* hay *Đôi Mắt Người Sơn Tây* được nhạc sĩ Phạm Đình Chương phổ nhạc qua giọng hát Thái Thanh thì nước mắt lại rùng rùng vừa cảm khái vừa sợ sệt. Cũng như khi nghe ai đó tán thưởng câu thơ “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm “ thì thi sĩ lại chấp tay lại than thở “ Tôi suốt một đời khổ vì những câu thơ này!”. Ôai một chế độ bạo tàn đã làm sĩ khí Bắc Hà chỉ còn như trong chuyện cổ tích. Đã xa xôi lắm rồi có phải những ngẩng cao đầu đứng dậy nhìn ánh mặt trời?... Thế mà vẫn còn những câu thơ sống mãi. Như bài thơ *Tây Tiến*, như *Đôi Mắt Người Sơn Tây*...

Quang Dũng với âm nhạc Trịnh Hưng

Nói đến Quang Dũng, phần đông người ta chỉ biết anh là một nhà thơ nổi tiếng qua các bài thơ: *Đôi mắt người Sơn Tây*, *Đôi bờ*, *Quán bên đường*... Nhưng anh không những chỉ là một nhà thơ nổi tiếng, mà ở con người nghệ sĩ tài hoa của anh còn mang nhiều thứ "sĩ" khác nữa: thi sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ, văn sĩ, kịch sĩ và là một chiến sĩ rất gan dạ.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, anh đã viết rất nhiều truyện ngắn xuất bản và viết kịch, cũng như đã triển lãm tranh sơn dầu của anh cùng với các họa sĩ nổi danh như Nguyễn Gia Trí,

Lương Xuân Nhị, Phạm Văn Đôn, Nguyễn Thị Kim, Tạ Ty, Bùi Xuân Phái v.v...

Anh cũng sáng tác nhạc, bài nhạc "Ba Vì" của anh đã nổi tiếng ở trong khu kháng chiến chống Pháp 1945-1954, mà tôi giới thiệu với độc giả sau đây.

Tôi nhớ năm đó là năm 1949, lúc anh thôi cầm quân đánh giặc ở Trung đoàn Tây Tiến, anh trở về làm trưởng phòng văn nghệ của Liên khu 3. Liên khu 3 lúc đó có 4 Trung đoàn, mỗi Trung đoàn có một ban Tuyên truyền (sau này gọi là Văn Công), trong 4 đội Tuyên truyền của Liên khu 3 thì có lẽ đội Tuyên truyền của Trung đoàn Thăng Long, tức TD 48 (tiền thân của Sư đoàn 320 bây giờ) là đội Tuyên truyền trẻ nhất Liên khu.

Anh Phạm Nghệ làm đội trưởng, tôi là đội phó, mới có 18 tuổi, còn tất cả anh em đều ít tuổi hơn hai chúng tôi một vài tuổi. Tong đội Tuyên truyền của chúng tôi có 5 cô em gái, 14 đến 16 tuổi. Trong số 5 em gái vừa đóng kịch, vừa múa và ca hát này, có em Kim Ngọc, 16 tuổi là lớn hơn cả. Kim Ngọc hát rất là hay, giọng ngọt ngào và ấm nên được các anh em bộ đội và dân chúng mến mộ.

Anh Quang Dũng là trưởng phòng văn nghệ Liên khu, trực tiếp chỉ đạo các đội Tuyên truyền của Trung đoàn, anh thường lui tới các Trung đoàn để quan sát và hướng dẫn công tác cho hiệu quả. Một hôm, anh đến Trung đoàn của tôi, anh nói với tụi tôi là anh mới làm một bài nhạc lấy tên là "Ba Vì", vì đó là tên của ngọn núi Ba Vì, nơi quê hương anh, rồi anh bảo tụi tôi mang guitare đệm để anh ca cho nghe. Tôi lấy đàn ra đệm cho anh ca, anh có giọng ca rất nồng ấm và truyền cảm, sau khi ca xong, anh hỏi chúng tôi thấy thế nào, các chú nghe có được không? Tất cả anh em chúng tôi đồng thanh khen ngợi bài nhạc anh làm hay quá và rồi Kim Ngọc chạy lại nài nỉ anh dạy cho Kim Ngọc hát ngay. Kim Ngọc nói là em đi trình diễn thì luôn luôn cần có bài hát mới và hay, nên xin anh dạy cho.

Quang Dũng nói là bài nhạc này anh mới làm xong thì xuống đây, chưa hát cho ai nghe cả. Xong rồi, anh dạy cho Kim Ngọc và chỉ 15 phút sau là Kim Ngọc thuộc lòng và hát nhuần nhuyễn ngay, anh khen Kim Ngọc ca hay hơn hết các cô gái ở Trung đoàn khác mà anh đã gặp.

Thế là Kim Ngọc có thêm một cái vốn. Mỗi lần chúng tôi đi trình diễn ủy lạo cho các anh em bộ đội đi trận về là Kim Ngọc hát bài "Ba Vì" của Quang Dũng được các anh em hoan hô nhiệt liệt và kể cả những đêm ca kịch cho dân chúng xem thì Kim Ngọc cũng được tán thưởng nồng nhiệt. Từ đó trở đi, cứ mỗi lần đi nơi đâu, Kim Ngọc đều hát bài "Ba Vì". Rồi đến ngày Liên khu tổ chức cho các đội Tuyên truyền Trung đoàn trình diễn thi đua thì Kim Ngọc cũng ca bài hát "Ba Vì", vì vậy mà đội chúng tôi được giải nhất về đơn ca và các anh em ở đội Tuyên truyền Trung đoàn khác đều đến xin chép lại bài nhạc "Ba Vì" để về hát mỗi khi đi trình diễn. Nhờ đó, mà không lâu, bài nhạc "Ba Vì" được nổi tiếng, tất cả anh em bộ đội ai ai cũng thuộc nằm lòng và hát được.

Bài nhạc "Ba Vì" được nổi tiếng là do tiếng hát của Kim Ngọc, vì vậy anh Quang Dũng rất quý anh em chúng tôi và coi như em ruột của anh.

Cuối năm 1999, tôi về thăm quê hương, thăm lại gia đình và thành phố Hà Nội thân yêu, nơi tôi sinh ra và lớn lên tại đó, vì tôi ra đi từ lúc mới 18 đến nay đã hơn phân nửa thế kỷ xa cách, nay mới có dịp trở về. Cái vui của tôi là được gặp lại tất cả anh em, bạn bè cũ trong đội Tuyên truyền và các bạn văn nghệ sau hơn 50 năm mới gặp lại nhau nên ai cũng vui mừng đón tiếp tôi rất là thân tình như xưa. Các bạn của tôi và tôi, ai nấy cũng vào tuổi thất thập "cổ lai hy", đầu bạc, con cháu đầy đàn, nhưng tôi rất cảm động vì anh em gặp nhau vẫn kêu bằng mày tao như ngày xưa, dù rằng các bạn tôi, người nào cũng mang cấp bậc Đại tá, Thiếu tướng hồi hưu cả.

Tôi gặp lại Kim Ngọc, cô ca sĩ 16 tuổi thuở nào, giờ đã 70 rồi, nhưng tôi thật ngỡ ngàng, không ngờ Kim Ngọc còn quá trẻ, tôi ước chừng chỉ 50 hoặc hơn một chút thôi, ai ngờ đâu Kim Ngọc đã 70 tuổi, thế mà Kim Ngọc hát vẫn còn hay, vẫn còn đi trình diễn ca hát cho các đoàn thể, các buổi hội họp... và mới đây, đã đi hát liền 62 đêm nhạc Văn Cao, được nhạc sĩ Văn Cao khen ngợi là chỉ có Kim Ngọc khi hát mới lột tả được hết tình cảm trong các bài nhạc của ông.

Khán thính giả đi xem Kim Ngọc trình diễn thì từ trẻ đến già, ai ai cũng gọi là "Cô Kim Ngọc" chứ không ai gọi là "Bà" cho dù đối với số tuổi bây giờ của Kim Ngọc phải gọi là "Cụ" mới đúng phép. Tuy hát vẫn hay, nhưng tuổi đời cao nên Kim Ngọc không đi hát ở phòng trà và trình diễn như lớp trẻ được.

Hai ngày sau khi tôi về thăm quê hương, Kim Ngọc tổ chức một bữa cơm gia đình thân mật để tiếp đón tôi và nhân dịp mời tất cả anh em đã sống với nhau trong đơn vị họp mặt lại tất cả để cùng nhau nhớ lại kỷ niệm của thời son trẻ, mà Kim Ngọc cho thời gian đó là thời gian đẹp nhất của cuộc đời.

Hôm ấy, có gần 20 anh em còn sống đã tụ tập tại nhà Kim Ngọc. Tôi thật lấy làm sung sướng vì các bạn và tôi xa nhau cả nửa thế kỷ rồi mà gặp lại nhau, mọi người đều ân cần, thăm hỏi nhau, trong số các bạn tôi, ai ai cũng đều hỏi hươu cả, nhưng họ vẫn hoạt động văn nghệ thường xuyên.

Trước khi vào bàn ăn, Kim Ngọc có nhắc đến một số bạn đã nằm xuống và người anh em chúng mình thân và thương nhất là anh Quang Dũng, một người anh cũng đã ra đi trong bệnh hoạn và nghèo túng. Kim Ngọc nói xin các anh em dành 1 phút mặc niệm cho các bạn và anh Quang Dũng. Sau khi cơm nước xong, Kim Ngọc kể lại những ngày mà anh Quang Dũng còn sống và chết ra sao ?

Kim Ngọc nói là sau 1954, anh em trở về Hà Nội, ai cũng vẫn đi công tác cho bộ đội, riêng anh Quang Dũng thì bị ông Tố Hữu ghen ghét về tài làm thơ, và sau đó là sa thải, không cho làm bất cứ một công tác nào cả. Bị cô lập nên anh lâm vào cảnh nghèo túng và còn bệnh hoạn nữa. Tất cả mọi sự sống trong gia đình đều trông vào chị Quang Dũng, là một người đàn bà có tất cả tâm hồn cao đẹp, truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.

Một mình chị chạy đôn chạy đáo, may thuê, vá mướn và đơm áo để nuôi gia đình bữa đói, bữa no. Tuy gia đình lâm vào hoàn cảnh khổ sở, nhưng chị luôn luôn vui vẻ, không để lộ một cử chỉ nào cho anh Quang Dũng buồn. Có những chiều gió lộng, hai anh chị đã phải đi quét lá cây rụng về làm củi nấu cơm, thật là khổ vô cùng.

Kim Ngọc quá thương anh chị Quang Dũng, nhưng hoàn cảnh của gia đình Kim Ngọc cũng chẳng khá hơn tuy cả hai đều là sĩ quan cao cấp, nhưng cùng chung với số phận của toàn dân, ai cũng khổ và lại là thời kỳ bao cấp, không có được mua bán tự do như bây giờ, muốn mua gì thì phải có tiêu chuẩn, có tem phiếu và vào hợp tác xã mà mua.

May mà vợ chồng Kim Ngọc đều là sĩ quan cấp Tá, nên dễ thở hơn, hôm nào mua được cái gì thì cả hai vợ chồng bảo nhau, bót ra đem biếu anh chị Quang Dũng và các cháu.

Sự giúp đỡ của vợ chồng Kim Ngọc thì chỉ có hạn thôi, mà anh lại bệnh nặng không tiền mua thuốc và xin nằm bệnh viện cũng không được, nhìn anh mà tội nghiệp, thương cho anh một con người tài hoa, mà không may chút nào. Một hôm, vào năm 1988, vợ chồng Kim Ngọc đi chợ về

thì đã thấy cô con gái anh Quang Dũng ngồi chờ ở nhà từ lâu. Thấy vợ chồng Kim Ngọc về, thế là nó chạy tới ôm Kim Ngọc và khóc nức nở, nó nói:

- Cô Kim Ngọc ơi, bố con bệnh quá nặng, bây giờ nằm liệt một chỗ rồi, chắc không qua khỏi được đâu. Bố con cũng không nói được tuy là còn tỉnh, bố con bảo đến nói với cô chú lại chơi và hát cho bố con nghe lại bài "Ba Vì" mà cô vẫn hát để bố con nhớ lại kỷ niệm cho vui.

Nghe nó nói thế, Kim Ngọc hết hồn và giục chồng cùng các bạn chiến đấu ở Tây Tiến với anh Quang Dũng ngày xưa đem cây đàn theo và lên xe Honda chạy thẳng một mạch đến nhà anh Quang Dũng. Vợ chồng Kim Ngọc đến nơi thì thấy nét mặt anh Quang Dũng có vẻ vui. Kim Ngọc và chồng vội chạy lại bên giường, anh chỉ tay, bảo ngồi đi, Kim Ngọc mới bảo:

- Anh Quang Dũng ơi, em là Kim Ngọc và chồng em tới thăm anh đây.

Anh gật gù cái đầu. Kim Ngọc nói tiếp:

- Hôm nay vợ chồng em đến đàn và hát lại bài "Ba Vì" của anh để anh nghe nhớ lại những ngày đầu tiên anh dạy cho em năm em 16 tuổi.

Quang Dũng nhếch mép cười. Sau khi chồng Kim Ngọc lấy "ton" cho Kim Ngọc ca, và Kim Ngọc đã hát bằng tất cả tình cảm tâm hồn, vừa nghe, Quang Dũng vừa nắm tay Kim Ngọc và rồi thấy nắm chặt hơn, môi mím lại, hai hàng nước mắt anh chảy ra đầm đìa. Kim Ngọc biết là anh nhớ quê hương và nhớ lại thời kỳ xưa nên anh xúc động. Kim Ngọc ca xong, cả hai vợ chồng đều ôm anh và khóc theo anh, Kim Ngọc biết là anh rất cảm động mà không nói được vì cơn bệnh. Trước khi vợ chồng Kim Ngọc từ giã anh, thì Kim Ngọc hát lại lần nữa cho anh nghe và anh cũng vẫn khóc. Vợ chồng Kim Ngọc ra về mà lòng thương anh quá đỗi.

Sau lần hát cho anh Quang Dũng nghe, vợ chồng Kim Ngọc về họp lại một số bạn văn nghệ thân với anh Quang Dũng và tất cả làm đơn rồi đưa chị Quang Dũng lên gặp ông Nguyễn Đình Thi là Chủ tịch Hội Văn Nghệ VN để xin ông ấy giới thiệu cho anh Quang Dũng được vào bệnh viện Việt-Xô để chữa trị, thì hai ngày sau, ông Thi cho biết là cấp trên không chấp thuận, anh em đều biết là ông Tố Hữu không chấp thuận.

Đúng hai tháng sau anh mất. Vợ chồng Kim Ngọc đưa anh ra tận nơi an nghỉ xong mới trở về.

Cho đến hôm nay, vợ chồng Kim Ngọc luôn luôn nhớ đến anh và thương anh ấy vô cùng. Cũng chỉ vì sự ganh ghét về tài năng của anh mà họ làm cho anh và cả gia đình khổ cực biết bao năm trời và cho đến lúc anh sắp lìa đời rồi mà họ vẫn chưa buông tha cho anh, không động lòng trắc ẩn của con người một chút nào cả.

Ngay sau khi về Hà Nội, ông Tố Hữu có nhiều quyền hành và ra lệnh cho ông Nguyễn Đình Thi, Chủ tịch Hội Văn Nghệ VN, cho các đàn em viết báo, mở một chiến dịch phê phán thơ Quang Dũng. Họ liền tiếp viết nhiều bài phê bình thơ Quang Dũng, đem bài thơ "Tây Tiến" của Quang Dũng ra mổ xẻ, vì bài thơ này được mọi người hâm mộ. Họ lôi câu chốt của bài thơ này ra để bình phẩm: "*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*".

Chúng nó bảo là thơ lãng mạn, đòi trụ, tiểu tư sản, đang trong lúc toàn dân sôi sục giết giặc Pháp thì lại làm thơ mơ Hà Nội với dáng kiều thơm làm chao đảo và nhụt nhuệ khí chiến đấu của toàn dân, toàn quân. Buộc tội như vậy là làm hại cả đời anh khổ sở.

Người ta không những muốn anh phải sống đói khổ về thể xác mà họ còn muốn giết chết luôn tên tuổi anh và các bài thơ của anh. Nhưng họ chỉ có quyền giết được thể xác anh thôi, còn tác phẩm của anh, tên tuổi anh, làm sao họ có thể giết được! Vì các tác phẩm của anh được mọi

người mến mộ càng được mến mộ hơn.

Bài "Tây Tiến" của anh mà họ đã mất công mất sức viết báo để cho mọi người ghét và làm anh khổ sở đến chết, thì chính những bài thơ của anh mà họ đã phê phán bây giờ lại lấy đem ra in thành sách để bán lấy tiền vì họ biết là thơ của anh được nhiều người mua!

Kim Ngọc bực tức nói tiếp:

- Có một cái nực cười hơn nữa là bài thơ "Tây Tiến" của anh, họ đã ra công hạ bệ, thế mà bây giờ bài thơ đó được ngạo nghễ khắc vào bia đá rất lớn để ở các nghĩa trang liệt sĩ, không một nghĩa trang liệt sĩ nào mà không có một tấm bia lớn khắc nguyên văn bài thơ "Tây Tiến". Ít hôm nữa, anh em tổ chức đi thăm mộ các anh em ở các nghĩa trang liệt sĩ tận Hòa Bình, Lai Châu, sát biên giới Lào, hôm đó, Trịnh Hưng phải đi thăm anh em với tội mình và Trịnh Hưng sẽ được nhìn lại bài thơ "Tây Tiến" ngạo nghễ trên tấm bia đá lớn để biết rõ.

Anh Quang Dũng bị người ta ganh ghét và chết đi, nhưng anh chỉ mất phần thể xác mà thôi, chữ tên tuổi anh và thơ, văn, họa, nhạc của anh vẫn sống mãi trong lòng mọi người. Anh đã được đền bù một cách xứng đáng là anh được chính phủ Thụy Điển tặng 25 triệu đô-la để đúc một chân dung anh bằng đồng và nay đã hoàn thành, tượng được đặt ngay trên quê hương anh. Đó là một phần thưởng cao quý cho cuộc đời làm văn nghệ của anh, vì ở Việt Nam chưa có được một người nào có vinh dự được chính phủ nước ngoài biết đến và ngưỡng mộ, bỏ tiền ra làm tượng đồng như anh cả.

Chỉ tiếc rằng anh không còn sống để được trông thấy bài thơ "Tây Tiến" của anh khắc trên bia đá khắp nơi và nhìn thấy tác phẩm của anh in thành tập và nhìn bức tượng đồng, chân dung của anh.

Nhà thơ Quang Dũng: cẩn tắc vẫn...áy náy Phạm Nhật Linh

Trái ngược với vóc dáng cao to, hùng dũng và tên gọi cũng rất đỗi... oai phong, sinh thời, nhà thơ Quang Dũng lại là người khá... "nhát gan". Thậm chí, quá ư cẩn thận và hay... lo cũng là một nét đặc trưng tính cách của ông.

Theo nhà thơ Yên Thao, trong ăn uống, Quang Dũng rất ngại gặp những thức ăn lạ. Ông nhìn chúng bằng con mắt cảnh giác, như thể ăn vào là bụng ắt... sinh chuyện. Ở nông thôn, mỗi lần đánh răng ông lại đi xin nước đun sôi về dùng chứ không chịu dùng nước giếng.

Quang Dũng và Trần Lê Văn là đôi bạn thân. Hồi kháng chiến chống Pháp, mỗi lần đi công tác, các ông thường rủ nhau đi cho có đôi. Trần Lê Văn có đặc tính là đi đêm sợ cộp; Quang Dũng đi ban ngày thì sợ máy bay. Thành thử, để đi được cùng nhau, họ thường rủ nhau đi lúc chạng vạng, tranh tối tranh sáng. Có những cung đường vắng vẻ, bọn cướp hay ẩn náu bên đường để ra đòn phủ đầu đối với khách xa. Quang Dũng rất sợ gặp phải bọn này nên ông đã nghĩ ra một mẹo. Vừa đi đường ông vừa lẩm bẩm (cốt để ai đó đang rình núp nghe thấy): "Bảo đợi người ta thì chẳng đợi. Có tiền mang đi hết, để người ta không còn xu nào. Đói bỏ mẹ!". Ông bảo phải ráo trước như vậy mới có cơ thoát nạn.

Sinh thời, Quang Dũng có chiếc xe đạp nhưng rất ít khi ông cho ai mượn. Mỗi lần đi đâu về, bê lên nhà, ông đều lấy dây thừng cột chặt. Có lần, cùng nhà văn Kim Lân từ nơi sơ tán về HN, mặc dù đường xa nắng gắt nhưng ông tỏ ý không muốn đèo ông bạn vàng, dù rằng nhà văn Kim Lân cũng thuộc vào hạng thấp bé nhẹ cân. Không phải ông tiếc gì bạn ông đâu mà vì ông lo đèo 2 người thì... bực lóp.

Thời kỳ không khí văn nghệ ở ta còn chưa được thật cởi mở, các bạn trẻ đến chơi với ông ở nhà xuất bản Văn học, hễ ai đó nhắc tới bài thơ Tây Tiến trừ danh của ông là ông lại ái ngại vô cùng. Có lần, ông phát hoảng lên kêu cầu một người hãy "vặn nhỏ volum" khi anh này cao hứng ngâm nga mấy câu: "Mắt trừng gửi mộng qua biên giới/Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm" từng bị xem là "roi rớt" quan điểm tiểu tư sản của ông.

Nhà thơ Trần Lê Văn kể, có lần gặp người tình cũ ở HN Quang Dũng ngây ngất làm một mạch mấy bài thơ "Không đề" và vì sợ "lộ bém" với bà xã, ông đã "gửi nhờ" chúng trong sổ tay của Trần Lê Văn. Thế rồi không hiểu ngấm ngợi sau trước thế nào, có lần ông đến xin lại để hủy đi. May mà Trần Lê Văn nhất quyết không nghe và nhờ thế mà sau này bạn đọc mới biết bài thơ "Không đề" tài hoa in trong tập "Mây đầu ô" của Quang Dũng.

Nhà nghèo, chỗ ở chật chội, bề bộn, song Quang Dũng cũng không sốt sắng việc sắp đặt sao cho ngăn nắp. Ông muốn đồ đạc lủng củng mỗi nơi một thứ để kẻ trộm nếu đột nhập vào nhà thì kiểu gì cũng sẽ va vấp, phát ra tiếng động. Chính vì vậy, một lần bạn thơ Ngô Quân Miện đến chơi. Khi ông vào tận gian trong thì Quang Dũng mới hay. Quang Dũng giật mình hỏi ngay: "Thế ông vào tận đây mà không... va đụng vào thứ gì à?". Rồi cứ thế nhà thơ luôn miệng thắc mắc: "Lạ thật, lạ thật!"

Cũng theo nhà thơ Ngô Quân Miện, trong những năm Mỹ đánh B52 ác liệt, một lần nhà thơ Quang Dũng đèo cháu bé con trai Ngô Quân Miện về quê. Cứ đi được 10 cây số 2 bác cháu lại dừng lại đi vệ sinh một lần và lần nào ông cũng phải tìm chỗ có hầm trú ẩn mới chịu dừng xe. Do bộ dạng cao lớn, gương mặt râu ria, nên cũng đã có lần đi công tác địa phương, Quang Dũng bị anh chị em dân quân "bắt sống" vì ngỡ là... phi công Mỹ đang trên đường lẩn trốn. Mọi sự sau đó cũng được giải quyết ổn thỏa, Quang Dũng nói với vẻ sợ: "May mà tôi chưa bị tra tấn".

Tóm lược về tính cách cẩn thận, lo nghĩ một cách thái quá của Quang Dũng (có báo in bài về Quang Dũng, đã đặt cái tí là "Cẩn thận quá đáng"), nhà thơ Vân Long, người bạn thuộc thế hệ hậu sinh của ông đã đúc kết bằng một câu của nhóm văn nghệ sĩ xứ Đoài về tác giả Tây Tiến như sau; "Đó là một người hễ mở cửa sổ khi ngủ thì sợ trúng... gió độc, mà đóng kín cửa thì lại sợ bị... ngạt hơi".

Tây Tiến, tuyệt chiêu của Quang Dũng Nguyễn Khôi

I- Tiểu sử Quang Dũng:

Quang Dũng tên thật là Bùi Đình Dật (tức Diệm) sinh năm 1921 tại làng Phượng Trì, tổng Đại Phùng, huyện Đan Phượng (Hà Tây). Quang Dũng là lấy tên con trai làm bút danh (năm 1952 viết tập ký sự "Đoàn võ trang tuyên truyền Việt-Lào", ký tên là Trần Quang Dũng. Cụ thân sinh là một chức dịch, mẹ là người phụ nữ đảm ven đô (làm ruộng và buôn bán nhỏ). Gia đình khá giả nên Quang Dũng được gửi ra Hà Nội học văn, học võ, học vẽ, học đàn... để sau này, trong lĩnh vực nào anh cũng có những thành tựu đáng kể, trong đó kiệt xuất phải nói là thơ.

Từ sau ngày Tổng khởi nghĩa 19-8-1945, Quang Dũng được cử làm Phái viên Quân Sự Bắc Bộ, làm công việc cất giấu máy móc quân sự, đi các địa phương tìm mua súng đạn, giành chiếc máy bay Nhật ở Ba Vi. Rồi với tư cách Chính trị viên phó Đại đội Tổng vệ binh Cảnh vệ Khu 2, khoảng cuối năm 1947, anh gia nhập đoàn quân Tây tiến. Sau một thời gian chiến đấu ở Lào trở về Hoà Bình thành lập trung đoàn 51. Đại đội trưởng Quang Dũng ở đó đến cuối năm 1948, rồi được chuyển sang đơn vị khác. Rồi xa đơn vị cũ, chưa bao lâu, ngồi ở Phù Lưu Chanh (Kim Bảng-Hà Nam) thi sĩ bồi hồi viết "nhớ Tây tiến", bài thơ xuất thần viết liền một mạch trong một đêm để trở thành kiệt tác thơ Việt Nam thế kỷ XX.

Trước Tây tiến, Quang Dũng đã có “đôi mắt người Sơn Tây” rất nổi tiếng với “*Vàng trăn em mang trời quê hương/ mắt em dịu dịu buồn tây phương/ Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm...*”. Về nhạc thì có “Ba Vì mờ cao” với “tử xa thương nhớ Ba Vì ơi! thời gian như muốn phai bóng người/ giang hồ dừng bước/ nhớ nhung Ba Vì ơi! Sau Tây tiến còn là “Những làng đi qua”, “vườn ổi”, “em mãi là tuổi 20”, “mây đầu ô”... cũng như các bài buổi đầu làm thơ “Chiêu Quân”, “cố Quận” đều là những bài thơ hay riêng một chất thơ Quang Dũng.

Nếu ví Hoàng Cầm (thơ) là tinh hoa của hồn quê Quan họ thì Quang Dũng là “bạch vân thiên tải không du du” là hồn thơ của mây trắng xứ Đoài với “*Sông Đáy chậm nguồn qua phủ Quốc? sáo diều khuya khoắc thổi đêm trăng*” cùng “*mây ở đầu ô mây lang thang...*”

Lang thang lãng tử thích ngao du sơn thủy đi đó đi đây là kiếp đoạn trường của đời nghệ sĩ... Cái tinh thần thượng võ, cái khí, cái thần của người thơ ấy được đúc nên từ lòng yêu quê hương xứ sở - yêu đời, đời đẹp như thơ, như đời người chiến sĩ chỉ biết hi sinh, chỉ biết phụng sự lý tưởng và đất nước mà nhà thơ đã đi trọn cuộc đời.

Nhà thơ Quang Dũng từ trần ở Hà Nội ngày 14-10-1988. Ông đã được Giải thưởng Nhà Nước về Văn học. Bài thơ Tây tiến đã được chọn một đoạn, khắc vào Đài tưởng niệm các liệt sĩ Tây tiến ở Châu Trang, xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn (Hoà Bình) ngày 20-12-1990, và tượng đồng bán thân của Vệ Quốc Quân Quang Dũng được đặt tại Trường Tiểu học quê nhà là một minh chứng về sự tôn vinh của Nhà Nước-Nhân dân đối với Nhà thơ yêu quý của chúng ta.

II- Về địa danh Tây Tiến

Thời điểm 1947 thuộc “Đội vũ trang tuyên truyền Tây Tiến (trung đoàn 52)[1]. BCH Đội gồm đ/c Đoàn Hải làm chỉ huy trưởng, đ/c Phúc Thảo làm chỉ huy phó, Văn Sinh và Quang Dũng làm uỷ viên. Trong 2 năm 1947-1948 quân ta đã bám sát quần nhau với địch ở vùng biên giới Việt-Lào, ngoài sự hy sinh, tổn thất trong chiến đấu, trên 200 chiến sĩ Tây tiến đã ngã xuống vì bệnh sốt rét ác tính, suy dinh dưỡng (... đoàn binh không mọc tóc/ Quân xanh màu lá...) là vậy!

Mường Lát là một bản dân tộc Thái vùng biên giới Việt-Lào, bên tả ngạn sông Mã (Thanh Hoá) nhưng lại giáp với Mộc Châu (Sơn La) về phía bắc, giáp Hoà Bình về phía nam. Núi rừng ở đây trùng điệp lên tới tận Sài Khao, nơi cư trú của bản người dân tộc Dao (Man, Mán - “khèn lên Man điệu...”) quanh năm sương phủ. Mùa mưa ở Mường Lát, cả đất trời đắm trong hơi nước như mây khói bốc lên ngùn ngụt, mịt mù trong đêm. Hành quân từ rừng về bản, bộ đội phải đốt đuốc soi đường. Câu thơ “*Mường Lát hoa về trong đêm hơi*” là thi sĩ đặc tả “lửa” ở đây được cách điệu thành “hoa” (như kiểu “đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông”)

Câu “*trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*” là câu thơ tài hoa, làm ta liên tưởng tới câu ca dao xứ Mường:

*Trăm thứ hoa không bằng hoa con gái
trăm thứ trái không bằng trái bông cơm
trăm thứ thơm không bằng thơm con mái...*

Mà trái bông cơm là lúa gạo, con mái là con gái tuổi dậy thì... Các chàng trai “Vệ Trọc” (đầu trụi không còn tóc) vừa ở rừng ra thám đượm tình nghĩa Quân dân, được các em (hoa rừng) chèo thuyền đi đón... thì làm sao quên được “hồn lau nẻo bến bờ”? Thơ Quang Dũng vừa trữ tình vừa bi tráng là vậy!

III- Bài thơ buổi đầu trình làng:

Theo tạp chí Văn nghệ số 11-12 tháng tư, tháng năm năm 1949 - Văn nghệ Bộ Đội của Hội Văn Nghệ Việt Nam, Thư ký Toà Soạn: Nguyễn Huy Tường - thì bài thơ in ở trang 17, toàn văn như sau:

NHỚ TÂY TIẾN

Sông Mã xa rồi, Tây tiến ơi
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi.
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi;
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời;
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Lưong mưa xa khơi.
Anh bạn dãi dầu không bước nữa,
Gục lên súng mũ bỏ quên đời...
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.
Nhớ ôi! Tây tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.

Tây tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội giáng kiều thơm.

Rải rác biên cương mồ viễn xứ,
Chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất,
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Tây tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

Chú ý: Pha Lưong = Pha Luông, giáng kiều = dáng kiều. Bài thơ thiếu hẳn 1 đoạn 8 câu
“doanh trại bừng lên hội đuốc hoa... trôi dòng nước lũ hoa đong đưa?”

IV- Tây Tiến

Sông Mã xa rồi Tây tiến ơi!
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét

Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người

*Nhớ ôi Tây tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

*Tây tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu, anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

*Tây tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.
(Phù Lưu Chanh, 1948)*

V- Nhà thơ Xuân Diệu phê bình Tây Tiến:

Trong tập TIẾNG THƠ (15-5-1949) Xuân Diệu viết: "... Bài thơ hơi buồn, có đoạn buồn lắm: tứ thơ không mới, có những câu văn hoa. Nhưng toàn bài rung rung như những dây đồng. Đọc lên, trong miệng còn ngân âm nhạc. Cái cảnh miền Tây gian nan đặc biệt: bộ đội Tây tiến là một trong những bộ đội nhiều hy sinh. Đánh giặc đã đành, mà người với rừng núi còn tranh nhau ai thua ai được. Một bạn tôi lên thăm bộ đội quá thương du Thanh Hoá, trên biên giới Việt-Lào kể rằng: "Núi giăng màn trùng điệp; một anh đội viên chỉ quăng chập chùng trước mặt nói: - Một mình tôi phụ trách 5 cây số núi". Lên đến nguồn sông Mã, còn đâu là đồng bằng? Lúc mới đầu chưa quen thổ ngơi, nhiều chiến sĩ chết. Có lẽ cái rừng rợn buổi đầu áp sâu vào tâm hồn tác giả. Những chiến sĩ lựa thưa giữa nghìn trùng rừng núi chắc cảm thấy mình "cheo leo chòi biên cương", cảm thấy mình lạc đời. Những anh con trai Hà Nội lên đến đây cạo trọc đầu, hay là sốt rét rụng cả tóc, người mặc áo chàm hay là mặt lầy sắc lá, hay là ồm tái màu da; giặc sợ các anh như sợ hùm: nhưng các anh dù thế nào cũng nhớ Hà Nội cho được:

*Tây tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*

Bài thơ chỗ thì đẹp, chỗ thì ghê, man rợ rồi lại êm ái; đoạn sau cùng đầy những tiếng từ ly. Những tên đất Sài Khao, Mường Lát, Pha Lương... ngân động. Đến cái tên Sầm Nứa thì câu thơ buồn mà hay quá; hồn đây là tâm hồn người sống nghĩ chuyện bên Lào:

*Tây tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.*

VI- Bình của Nguyễn Khôi:

a- Bài bình 1:

TÂY TIẾN là một trong vài bài thơ hay nhất của thơ Việt Nam 1945-2000. Đọc Tây Tiến, ta cứ ngỡ như đang đọc một bài Cổ phong - Tương tiễn tửu (của Lý Bạch) đương đại? Cái lối “tráng sĩ hề” - một đi không trở lại ngang tàng hào hoa của các chàng trai Hà Nội (thời 1946). Với thủ pháp nghệ thuật độc đáo theo kiểu 1 câu chia 2 về âm /dương đối nhau:

*dốc lên khúc khuỷu/ dốc thăm thẳm
heo hút cồn mây/ súng ngửi trời...*

đã tạo sự cân bằng hẳn vào trí nhớ của người đọc; còn “*đêm mơ Hà Nội dáng Kiều thơm*” là câu thơ để đời “tử bất hưu”[2] nghìn năm mới xuất hiện!

Cái tài hoa của thi sĩ về mặt dùng “chữ” thì xưa nay ít ai có được, ví dụ như: trong bài thơ có 3 chữ “Hoa” (hoa là ám chỉ về con gái - phái nữ):

- Câu “*Mường Lát hoa về trong đêm hơi*” đây là cái “cảm” của nhà thơ về cái mùi thương yêu ấy (trong bài thơ “*Gửi Tuyên Quang*” của NK viết sau 45 năm cũng có cái “cảm” đồng điệu ấy:

*Đêm Hà Nội đã nhạt mùi hoa sữa
tưởng tóc ai phảng phất hương rừng...)*

- Câu “*đêm trại bừng lên hội đuốc hoa*”: Đuốc hoa đây là “hoa chúc” tung bừng của cái “kia em xiêm áo” với “nàng e ấp”...

- Câu “*trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*”, ai đã từng “*đi Châu Mộc chiều sương ấy*” đây là vùng thượng nguồn sông Mã chung giữa ta và Lào (Sầm Nứa) thường là đi thuyền mà câu thơ Sống Chụ Sơn Sao đã tả “*hoa ấy[3] rờn trôi ngang sông Mã*” đôi bờ là hoa rừng và các cô gái Thái (VN)- Lào ra sông tắm giặt...

Câu kết “*hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi*” là thể hiện “*làm trai có chí xông trời thẳm*” của anh bộ đội cụ Hồ đi giải phóng dân tộc với tinh thần quốc tế cao cả!

Quang Dũng với Tây Tiến đã góp phần đưa thơ Việt Nam đương đại lên một đỉnh cao nghệ thuật lãng mạn cách mạng, hoành tráng với tâm chí “*Nay ở trong thơ nên có thép*” thật là tuyệt vời xưa nay hiếm là vậy!

b- Bài bình 2 (đăng trong thông tin Họ Bùi ở Việt Nam):

Cho đến nay Tây tiến vẫn là một đài thơ (Thi Sơn) đầy kỳ bí. Cái ma lực, cái âm hưởng của bài thơ Tây tiến... chưa ai lý giải hết được. Phải chăng cái hay là bởi lời thơ, ý thơ, hình tượng thơ giàu nhạc điệu được chứa trong một hồn thơ thật mới lạ và rất sâu sắc? Con người nồng hậu, nét bút tài hoa trong cách sử dụng ngôn ngữ thơ và hình ảnh thơ đã làm nên kiệt tác thơ Tây tiến. Cái độc đáo của bài thơ là không có cấu tứ, cái kết của bài thơ (của cuộc hành binh) lại không nằm ở cuối bài mà lại nằm ở 2 câu 13=14/34:

*Nhớ ôi, Tây tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*

Với Tây tiến, Quang Dũng đưa ta đi vào một thế giới đầy mùi hương hoài niệm, của sự vọng tưởng diêu huyền. Với Tây tiến, Quang Dũng đã xây tượng đài về anh Bộ đội Cụ Hồ (Vệ Quốc Đoàn - Vệ Út - Vệ túm - lính râu ria) thời kháng chiến 9 năm đầy gian khổ nhưng rất đổi hào hùng- Cái buổi đầu đi làm cách mạng của những trai tài gái sắc đất Hà thành (và ven đô) hiên

ngang, hào hoa phong nhã, cái thời “*chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh*” (tả thực) với “*đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*” (lãng mạn).

Bút pháp bậc thầy của Tây tiến là Nhà thơ đã vận dụng sáng tạo kỹ xảo thơ truyền thống (thơ Đường) với “phép đối” trong từng câu, đoạn thơ, từng khổ thơ tạo ra 2 vế âm/ dương, tương phản trong một “Trường đối nghịch” (thủ pháp đối lập) nhằm tô đậm ý tưởng “không ca ngợi một chiều” mà là phản ánh đúng hiện thực của cuộc chiến... đó là sự đối chọi, sự tàn khốc của chiến tranh lấy ý chí (Việt Nam) chọi lại sắt thép (thực dân Pháp). Thủ pháp đối ý, đối âm trong Tây tiến với những câu thơ ăm ắp hồn chiến sĩ, tạo nên khẩu khí bi tráng của toàn bài. Đó là lối diễn đạt độc đáo, cao thủ mà hình như chỉ riêng Quang Dũng một mình trong cõi thơ “*dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm/ heo hút cồn mây súng ngửi trời*” để Tây tiến ở một vị trí tượng đài vút lên trời xanh giữa núi rừng Tây bắc hùng vĩ của Tổ Quốc!

Trong Tây tiến có một hình tượng thơ đã làm không ít người thắc mắc, đó là “*có nhớ dáng người trên độc mộc/ trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*”... đó chẳng qua là một từ HOA “ẩn dụ” cảm từ câu ca dao xứ Mường “trăm thứ hoa không bằng hoa con gái” mà con gái Thái - Mường là “bông hoa rừng” chèo thuyền độc mộc đưa Bộ đội qua sông đang mùa nước lũ... Qua rồi để nhà thơ lãng mạn lưu giữ một bóng dáng cô lái đò trên “Châu Mộc chiều sương ấy” cứ đong đưa trong con mắt Người Sơn Tây đẹp đến lạ lùng.

Cái chết (hi sinh) của người chiến sĩ nay không phải là “*da ngựa bọc thây*” mà là “*chiến bào thay chiếu anh về đất*” để sông Mã gầm lên như súng thần công bắn vang trời tiễn đưa người anh hùng...

Dùng cái bi, cái mất mát để tôn vinh cái hào hùng... Với cảm hứng lãng mạn cách mạng được đặc tả trên cái nền hiện thực đã tạo nên âm hưởng, ma lực kỳ diệu của bài thơ Tây tiến rất kinh điển mà cũng rất hiện đại. Đó là một trong những bài thơ hay nhất của thơ Việt Nam thế kỷ XX đặt trong hành trang ta mang theo đi vào thế kỷ XXI, hội nhập cùng làng thơ thế giới hôm nay.

VIII- Đôi lời kết:

Tây Tiến ra đời đến nay đã qua 62 năm, bài thơ cũng như thân phận tác giả đã ném đủ nỗi thăng trầm thế sự, có một thời khá dài người ta đã cố ý “trầm” (chìm) nó đi tưởng nó đã đi vào quên lãng? - Nhưng không, thầy giáo của NK từng bảo: chỉ sợ Thơ anh không hay thôi, còn hay đích thực thì sẽ bất hủ, Tây Tiến với Quang Dũng quả là vậy. Đây là TUYỆT CHIẾU của Quang Dũng - một áng thơ đạt tiêu chí “kim cổ kỳ thi” của dân tộc Việt Nam ta, có bị “đánh” cũng không chết! Nó có thể sánh với HOÀNG HẠC LÂU của Thôi Hiệu, TƯƠNG TIẾN TỬU của Lý Bạch - những thiên thi ca kỳ bí, thiên hạ sẽ còn tồn nhiều bút mực “bàn” về nó. Ở Việt Nam ta đương đại có 3 Thi sỹ Họ Bùi:

- Hoàng Cầm (Bùi Tăng Việt) với Lá Diêu Bông...
- Quang Dũng (Bùi Đình Diệm) với Tây Tiến, Đôi Mắt người Sơn Tây...
- Bùi Giáng với Mắt Buồn...

Góc thành nam Hà Nội ngày 7-10-2010

Một lần gặp Quang Dũng
Phan Lạc Giang Đông

Tôi mê thi ca từ nhỏ, từ thuở học ở trường tiểu học thị xã Hải Dương. Những bài học thuộc lòng của thời gian đó nay vẫn là những trân quý trong tôi. Cho đến hôm nay, với suy nghĩ của tôi, thơ đã là hơi thở của con người, và thơ có sức mạnh rất lớn, thơ làm thay đổi đời người. Đã có nhiều thi sĩ sống mãi trong tôi, qua vần điệu, qua tư tưởng của họ. Một trong những thi nhân đã đi gần suốt đời tôi, qua thời gian, qua bao cay đắng, [...] Quang Dũng – vâng, thi sĩ Quang Dũng – những vần điệu thi ca Quang Dũng đã sống và đang sống mãi với tôi.

Vào những năm 1954, 1955, khi từ miền Bắc di cư vào Nam, tôi học lớp đệ thất, đệ lục ở trường Đông Tây học đường (đường Hai Bà Trưng, Sài Gòn) chỉ mong sao tới giờ Việt Văn để được nghe giáo sư người Quảng Nam đọc thơ Quang Dũng cho lớp nghe. Thầy giáo người Quảng Nam dạy vào chương trình thì ít, song thầy đã dành thì giờ để đọc những bài thơ của Quang Dũng cho lớp nghe thì nhiều. Thuở ấy, những câu “*Tôi ở thành Sơn chạy giặc về, em từ chinh chiến cũng ra đi...*”, hay “*thương nhớ ở hờ thương nhớ ai...*” đã làm cho tôi say mê. Giáo sư dạy Việt Văn đó là thi sĩ Bùi Giáng. Cho đến khi tôi thi vào học ở trường Trung Học Trần Lục, các bạn hữu như Triều Linh, Thế Nguyên..., chúng tôi thường truyền tay nhau những bài thơ Quang Dũng, nhưng, chỉ được dăm câu mà không trọn bài.

Năm 1985, một người thân, khi thấy tôi mê thơ Quang Dũng đã cho tôi tập thơ, tập thơ Quang Dũng này là bản viết của chính tác giả, có cả tranh tự họa, bìa màu nâu, cũ và giấy xấu. Bản viết tay của chính tác giả có nhiều bài, tôi thích những câu như:

*Chưa biết ngày mai trời có xanh
Đường xa xa nắng có mong manh
Đêm đêm mơ thấy làm khăn gói
Để sớm mai rồi vẫn quần quanh*

*Chưa chắc cây cao hồ để êm
Sông sâu hồ để đã êm đêm
Cây cao chừng đợi mùa giông tố
Sông đợi mùa dâng sóng nước lên...*

Hay:

*Chị ơi! Ly rượu nhỏ
Rượu nhỏ một ly thôi
Một ly cho đỡ mặt
Cho lên hương cuộc đời.*

Ở những năm cuối của thập niên 60, Phở Đức, Thanh Chương và tôi thường hay gặp nhau ở câu lạc bộ Phấn Thông Vàng (đường Nguyễn Thông) tham dự những buổi đọc thơ Quang Dũng do Nguyễn Đạt, Tô Duy Khiêm... tổ chức, và sau này những tối đọc thơ Quang Dũng lan sang các quán cà phê Thượng Uyển ở đường Nguyễn Tri Phương, quán Thơ ở đường Trần Quang Khải, quán Thăng Bờm v.v... Những buổi tổ chức đọc thơ Quang Dũng đều có rất đông người tới dự.

Còn nhớ, hai lần An Ninh Quân Đội cho gọi tôi tới số 8 đường Nguyễn Bình Khiêm để hỏi về những buổi tổ chức đọc thơ Quang Dũng này. Người ta đặt những câu như: tại sao các anh lại tổ chức đọc thơ Quang Dũng? Hay, Anh không biết Quang Dũng là Việt Cộng à? Hay, Anh nên cẩn thận khi làm những việc này.

Báo chí ở Sài Gòn như các tờ *Văn Học*, *Thời Tập*, có ra số đặc biệt về Quang Dũng. Trên các tờ báo và tạp chí khác cũng có một số bài viết về Quang Dũng ở thời điểm đó.

Và những năm khi còn học ở Quân Trường Thủ Đức, những khi vất vả, mệt nhọc, chính thơ Quang Dũng đã cho tôi thấy yêu đời. Những tối xuống khu Thiết Giáp uống cà phê với vài

người cùng Đại Đội, chúng tôi thường đọc cho nhau nghe bài *Rừng, Tây Tiến, Quán Bên Đường...*

Sau 1975, qua những trại tù như Trảng Lớn, Cà Tum, Xuân Phước v.v..., nhất là thời gian ở Phòng Biệt Giam 17 khu D hay khu E thì chính thơ Quang Dũng đã cho tôi sức chịu đựng, nhẫn nại tốt cùng, chính thơ Quang Dũng đã cho tôi vượt qua nhiều nghịch cảnh, cay đắng. Khi ra tù, đi thỏ gạo, thỏ bia để kiếm sống ở Sài Gòn, thì chính thơ Quang Dũng cũng cho tôi niềm vui. Chất lãng mạn thơ Quang Dũng đã cho tôi thấy bay lên và coi thường mọi gian khổ.

Năm 1985, khi đi buôn Nam Bắc bằng đường xe lửa Thống Nhất, tàu chạy suốt ngày đêm, mỗi tháng hai lần ngược Bắc xuôi Nam, tàu qua những địa danh yêu quý của ba miền quê hương, trong đêm trắng ở Quảng Ngãi, trưa nắng lửa ở Quảng Trị, sáng mờ sương qua Lăng Cô hay hoàng hôn ở Thanh Hóa, tôi đều tự ngâm ra bài thơ Quang Dũng.

Có lần tôi được người bạn thân buôn bán trên tàu hỏa, anh Hải Béo, giới thiệu với Quang Dũng. Người bạn là dân Hà Nội, rất sành văn nghệ và cũng mê Quang Dũng. Buổi gặp gỡ đầu tại nhà Hải Béo, tôi đã đọc nhiều bài của Quang Dũng cho Quang Dũng nghe. Niềm xúc động của anh, tôi đã thấy, khi anh nhìn xa xăm.

Buổi đó, khi tàn bữa rượu “quốc lủi” (rượu bán chui), Quang Dũng nói với tôi: “*Anh đã cho tôi hạnh phúc lớn quá. Tôi không ngờ các anh ở miền Nam lại quý thơ tôi đến thế*”. Khi tạm biệt, tôi nói với anh: “Thưa anh, vì thơ anh đẹp lắm, thơ anh là thơ của dân tộc, thơ của tình người và có chất... tiểu tư sản phải không anh?”. Quang Dũng và cụ Trương Tửu cười rất lớn và không nói gì... Cho đến sau này, khi sửa soạn sang đây, tôi gặp người bạn ở Tân Phú (Quận Tân Bình, Sài Gòn) anh người Sơn Tây, cũng quen với tôi, anh cho biết là Quang Dũng có con gái sau khi tốt nghiệp sư phạm ở Bắc nay xin chuyển về dạy học ở trong Nam.

Thời gian trôi đi và công việc bẽ bộn bởi nhiều thứ, tôi được nghe tin Quang Dũng đã mất. Cuộc đời bao ước mơ, hoài bão, cả dân tộc ước mơ, biết bao thế hệ trước tôi ước mơ. Song, thưa anh Quang Dũng, liệu có như thơ anh:

*Không biết ngày mai trời có xanh
Đường xa xa nắng có mông mênh
Đêm đêm mơ thấy làm khăn gói
Để sớm mai rồi vẫn quần quanh.*

Seattle, miền Tây Bắc



(Trích Khởi Hành)

Kỷ niệm với nhà thơ Quang Dũng Nguyễn Huy Thắng

(Trích trong Nhật ký của cha tôi
nhà văn Nguyễn Huy Tưởng)

Tôi biết nhà thơ Quang Dũng đầu tiên là ở nơi sơ tán. Hồi Mỹ ném bom phá hoại miền Bắc, tôi theo cơ quan mẹ sơ tán về vùng đất Đường Lâm thuộc Sơn Tây.

Mẹ tôi làm ở Nhà xuất bản Văn học, cùng cơ quan với bác Quang Dũng. Bà làm thủ quỹ kiêm đếm chữ, bác Quang Dũng làm biên tập. Ấy là tôi nghe thế, chứ biên tập là thế nào tôi cũng không biết, vì nhà tôi cũng như nhà các bác các chú khác trong cơ quan, mỗi gia đình sơ tán về một nhà dân, từ sinh hoạt đến công việc của mỗi cán bộ nhân viên trong cơ quan đều khép kín nơi nhà dân đó. Tóm lại, tôi chỉ biết bác Như Phong là giám đốc, chú Lư (Lữ Huy Nguyên), chú Toàn (Hoàng Thúy Toàn) là biên tập, cô Thảo làm thư viện (thỉnh thoảng vẫn cho tôi mượn sách)... Còn cụ thể ai làm gì và làm như thế nào, tôi không được biết và cũng không muốn biết. Tôi càng không biết về “bề dày thành tích” của mỗi người, rằng ai là nhà văn, ai là người dịch, người nào có tác phẩm gì nổi tiếng... Với bác Quang Dũng cũng vậy. Bấy giờ tôi có cảm giác ai cũng như ai, biên tập, hành chính, nhà văn, nhà thơ... thì đều là cán bộ cơ quan đi sơ tán góp phần đánh Mỹ cả!

Riêng với bác Quang Dũng, không biết khác nhau thế nào mà lũ trẻ con chúng tôi đều biết bác là tác giả bài thơ *Tây Tiến*. Có đứa thậm chí thuộc cả bài. Còn thì ít ra đứa nào cũng biết một đôi câu. Lũ “chíp hôi” phần lớn thích hình ảnh “Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc”. Mấy anh lớn tuổi hơn lại thích câu “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”. “Dáng kiều thơm” là thế nào thì không đứa nào biết, nhưng “mơ Hà Nội” thì không chỉ trong đêm mà nhiều lúc ban ngày cũng còn lên nỗi nhớ. Riêng tôi đặc biệt thích câu “áo bào thay chiếu anh về đất - Sông Mã gầm lên khúc độc hành”. Mỗi khi cao hứng cất lên mấy tiếng “gầm lên khúc độc hành”, tôi như thấy con sông Mã cũng dựng đứng lên trong trí tưởng tượng...

Song ở bài viết này, tôi muốn được nói về “nghề” tay trái của bác Quang Dũng, nếu như có thể gọi như thế: nghề vẽ. Bấy giờ ở phía sau chùa Mía thôn Mông Phụ có nhà cụ Toại, một cụ già rất yêu văn nghệ. Nhà cụ Toại có cái cửa sổ tròn mà theo hồi ức của nhà thơ Ngô Quân Miện thì nó giống như trong tích “Phụng Nghi Đình”. Ông cùng bác Quang Dũng vẫn hay đến chơi nhà cụ và xem đoàn chèo Hà Tây diễn tập ở đó. Tôi thì nhớ nhiều hơn đến cây dâm bụt mọc ở bức tường đầu nhà, lá xanh bông đỏ khi có nắng chiếu vào thì ánh lên làm tươi cả căn nhà khang trang được xây bằng đá tổ ong. Sân, hè luôn được quét tước sạch sẽ, tất cả toát lên một cảm giác gọn ghẽ, phong quang. Bác Quang Dũng hay bắc giá vẽ dưới bức tường ấy, đứng ngay trên sân vẽ.

Mỗi khi bác sang vẽ, bọn trẻ con chúng tôi kéo đến xem ngay. Quả là trông bác Quang Dũng vẽ thích thật. Bác người cao lớn, nhưng cử chỉ thật từ tốn, khoan thai. Bác chăm chú tập trung vào bức vẽ, không ngừng đưa bút quệt quệt phết phết, thỉnh thoảng lại đứng lui ra ngắm nghía, miệng lúc nào cũng như có nét cười, nhất nhất ai hỏi gì, nói gì đều tham gia được ngay. Bác ăn mặc giản dị, áo ka ki, quần vải đều đã sờn cũ, nhưng không hiểu sao, lúc nào tôi cũng hình dung bác mặc áo lính, loại áo va rơi có cầu vai (phải chăng do ấn tượng từ bài *Tây Tiến*?).

Tôi không nhớ cụ thể bác vẽ gì, đẹp xấu ra sao, nhưng chắc chắn đó là những bức tranh phong cảnh quanh vùng như tôi có thể cảm nhận được qua những cảnh sắc thân quen với gam nâu vàng như màu chủ đạo của vùng đất Đường Lâm khi ấy. Sau này, tôi được biết bác Quang Dũng còn biết múa kiếm, đôi lúc hứng lên bác với thanh kiếm múa tít, tiếng kêu vù vù như trong phim chưởng.

Năm 1978, tôi tốt nghiệp đại học ở Rumani về nước. Mẹ tôi cũng vừa được cơ quan cho nghỉ hưu. Bà sinh năm 1921, cùng tuổi với bác Quang Dũng. Nhưng do là phụ nữ nên được nghỉ

hưu trước. Mẹ tôi về hưu, tôi ít có dịp sang cơ quan chơi, nên suốt một thời gian dài không gặp lại bác Quang Dũng. Thế nên tôi đã rất ngạc nhiên khi mấy năm sau, một hôm thấy bác Quang Dũng đến chơi. Bác đến, không hề báo trước, vì thế càng khiến chúng tôi ngạc nhiên. Không biết bác có nhận thấy vẻ lúng túng của chúng tôi không, nhưng trông cung cách bác, rõ là bác rất vui khi đến thăm một đồng nghiệp cũ. Sau mấy năm không gặp, tôi thấy bác có phần già đi, dễ nhận ra lắm ở hàng ria mép đã ngả bạc. Nhưng cử chỉ của bác thì vẫn nhanh nhẹn, tự nhiên như xưa. Bác khéo léo cúi người, hơi co từng bên chân lên tháo giày ba ta ra rồi bước vào nhà. Ngồi vào bàn, trong khi chủ nhà còn đang lo pha nước thì bác đã vào chuyện. Bác cho biết cũng đã về hưu được ít lâu, hôm nay mới đến thăm mẹ tôi được, chỗ hưu trí với nhau cả. Nhận ra tôi, bác hỏi thăm ba câu chuyện hồi ở Rumani có đi chơi được đâu không, rồi lại quay sang hàn huyên chuyện cơ quan với mẹ tôi. Bác kể người này người nọ cũng đã về hưu, mấy người trong số đó bác đã có dịp đến chơi thăm hỏi. Rồi bác hỏi về cuộc sống của gia đình. Bây giờ còn đang thời bao cấp, thứ gì cũng khan hiếm, nhất là lương thực, thực phẩm lại càng thiếu. Nhà tôi, mà các nhà khác cũng thế thôi, phải xoay xở đủ cách để lo liệu bữa ăn hàng ngày. Chẳng hạn chế biến bo bo sao cho dễ ăn, nhưng tốt nhất là đổi sang mì, sang gạo, dù có hao một chút nhưng còn dễ tiêu. Hay có một số người thì áp dụng phương pháp uống thật nhiều nước vào lúc sáng sớm, nghe nói tốt lắm... Bác Quang Dũng không có ý kiến gì về những mẹo mực ấy. Bác chỉ khuyên mẹ tôi nên nhai thật kỹ khi ăn. Nhai càng kỹ càng tốt, vừa đỡ hại dạ dày, vừa đỡ tổn cơm. Đã từ lâu bác áp dụng phương pháp này. Trước kia phải ăn ba bát, nay chỉ cần hai. Nhai kỹ, chị cứ thử mà xem, bác nói với mẹ tôi, sẽ thấy cơm rất ngọt; chả cần gạo mới gì gì, cứ cái gạo mậu dịch ấy nấu lên, nhai thật kỹ, khắc thấy ngon ngay. Nhà tôi đỡ hẳn cái khoản gạo nhờ cách ấy đấy...

Tôi nghe bác nói rất hào hứng, nhưng trong thâm tâm không mấy quan tâm. Đang tuổi thanh niên, ăn nhanh như thổi, tôi theo cách ấy sao được. Mẹ tôi, tôi nghĩ, cũng khó có thể tán đồng. Bà lúc nào cũng chỉ sợ con ăn ít sinh ốm đau, làm sao bà dám “phiêu lưu” áp dụng phương pháp ấy. Chi bằng trong nhà có cái gì dự trữ mang ra bán, chứ nhất định không thể thiếu ăn, phương châm ấy của bà tôi biết lắm. Dẫu sao, nhiệt tình của bác Quang Dũng khiến chúng tôi hết sức cảm động. Mẹ tôi hỏi lại bác dạo này thế nào. Bác cho biết vừa tìm ra một việc hay lắm. Nhà bác ở phố Bà Triệu, không xa công viên Thống Nhất là bao. Chiều chiều, bác và mấy con lại vào công viên, ngồi chơi hóng gió, cho bố những lúc ở trong nhà chật chội, tù túng. Nhưng cái chính là sau đó quét lá đem về làm chất đốt. Công viên có nhiều cây, lá rụng nhiều, chiều nào mấy bố con cũng quét được hàng bao tải lá khô. Vừa vui vẻ, vừa được vận động chân tay, lại vừa được việc. Thỉnh thoảng cũng có anh bảo vệ nguyên tắc, gây khó dễ. Nhưng thường là họ bỏ qua cho. Vả lại, mình quét thế chỉ càng sạch công viên chứ sao. Từ hồi ấy đến giờ, nhà bác đỡ hẳn nạn thiếu chất đốt...

Xin được nhắc lại, bây giờ còn là thời bao cấp, không chỉ vật chất thiếu mà về tinh thần cũng rất nghèo nàn. Phải vài năm nữa mới đến thời văn nghệ tự cời trôi theo tinh thần của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Phải vài năm nữa, riêng với nhà thơ Quang Dũng, người ta mới thực sự đánh giá cao sự nghiệp thơ văn của ông, tác giả của những *Tây tiến*, *Đôi mắt người Sơn Tây*, *Mây đầu ô*, *Nhà đời*, *Giương mặt Hồ Tây*... -những áng thơ, những truyện, những ký tài hoa, giàu cảm xúc. Chỉ riêng những giai thoại về ông cũng đủ để làm nên không chỉ một, mà là nhiều cuốn sách gây xúc động biết bao người. Riêng với tôi, bác Quang Dũng trước sau vẫn là một người như tôi biết, một đồng nghiệp của mẹ tôi. Thế nên khi gặp lại bác, tóc đã pha sương, ria cũng ngả bạc, tôi không khỏi cảm khái khi nghe những câu chuyện đượm mùi bếp núc của bác. Đến khi bác đứng dậy ra về, xỏ lại đôi giày ba ta, tôi hỏi bác còn đi đâu nữa không thì bác bảo: "Về thôi. Bây giờ vào công viên thì hơi muộn, tối quá cũng không trông thấy gì mà quét"...

Bác Quang Dũng đã định đi rồi, nghĩ thế nào lại quay lại dặn mẹ tôi: Thế nào chị cũng nhớ nhai kỹ đấy, vừa đỡ hại dạ dày, vừa đỡ tổn cơm. Từ hôm ăn thấy lợi, tôi cứ bảo phải đi phổ biến ngay cho mọi người, mà hôm nay mới đến được chị đấy. Thôi nhé, chào chị. Chào cháu. Thế là hồi ở Rumani, cháu cũng đi được nhiều đấy nhỉ...

Nhà thơ Quang Dũng như tôi biết Vũ Từ Trang

Hồi ấy, gia đình ông ở căn phòng gác ba ngôi nhà cuối đường Bà Triệu. Lối lên gác là cầu thang nhỏ. Đã thế, nhà đông hộ, nhiều chai lọ, rổ rá xếp dọc lối lên, thành ra cầu thang càng nhỏ hẹp. Tôi không hình dung nổi, cứ nửa đêm, ông xuống nhà xách hai thùng nước ở góc sân tầng một, dáng ông to lớn thế, đi lên làm sao được?

Không chỉ những người ở chung số nhà, mà cả mấy ông bà hàng xóm cũng phải khen ông chịu khó. Ngày ngày, tờ mờ sáng, đã thấy ông chạy bộ vào công viên tập thể dục. Đi tập thể dục, ông cầm theo cái bao tải cũ. Chẳng là, tập xong, ông quét lá khô lèn chặt bao tải to kèn, vác về nhà làm đồ đun. Ngày đó, Hà Nội còn đun bếp dầu, than tổ ong, chứ chưa có bếp điện, bếp ga như thời nay. Nhà ông đông con, lại nghèo, lấy đâu tiền để mua đủ dầu đun. Ông quây góc nhỏ sân thượng thành cái bếp. Đến bữa, ông bà lúi húi đun nấu ở đó. Lá quét về, có lá khô lẫn lá tươi, bếp khói mù mịt, nước mắt giàn giụa. Nhưng vẫn thấy ông hồn nhiên cười. Theo ông, có lá đủ đun cơm, đã là hạnh phúc lắm rồi.

Xong việc vặt giúp gia đình, ông tiếp tôi trên tấm phản gỗ đặt trệt trên sàn nhà. Tấm phản dùng lâu, lên nước đen bóng. Ông nói là cửa thừa tự. Trên tấm phản ấy, đã mấy kiếp người đi qua. Từ đời ông nội, đến cụ thân sinh ra ông, rồi ông và các con ông dùng. Ông quý tấm phản đó lắm. Nó là đồ vật xem ra có giá nhất nhà, cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Nó giúp ông nằm nghỉ, ngồi uống nước, làm nơi tiếp khách. Ông thường gò lưng xuống tấm phản này làm bàn viết. Bao câu thơ, đoạn văn, tranh vẽ... mà theo ông, thì đây là trò chơi vui đã được diễn ra trên tấm phản này. Cửa đáng tội, hồi đó thì có vẻ quý. Chứ ngày nay, xét giá trị vật chất, nó chẳng đáng bao. Mặt ván ghép đôi ghép ba, có góc hình như đã bị một ăn hoặc chó mèo gặm. Tuy vậy, nhớ ông, tôi lại nhớ tấm phản gỗ ấy. Không biết bây giờ, gia đình ông còn giữ được không, hay đã thất tán đường nào rồi.

Ông mời tôi bát nước chè xanh ủ khéo. Cái bát uống nước là bát ăn cơm phân phối bao cấp. Men rất xấu, nhưng độ ấy là quý rồi. Ông có tài ủ chè xanh. Nom to lớn như ông Tây, vậy mà ông lại thích uống nước chè xanh, uống nước vối và thích ăn khoai lang, khoai sọ, hạt mít luộc. Nếu uống nước chè xanh, có thêm thanh kẹo lạc, hoặc cái kẹo bột thì sướng vô cùng. Đời người khác, nhiều thứ cao lương mỹ vị, chứ với ông, thú vui ẩm thực giản dị và đạm bạc có vậy thôi.

Ngày ấy, Hội văn nghệ Hà Nội làm tập thơ tuyển, nhà thơ Hoài Anh đi tập hợp bài vở. Bài thơ Những làng đi qua của ông chép nhờ nhờ, được Hoài Anh mang về in vào tập thơ tuyển. Thế là bài thơ được công bố sau thời gian dài ngủ yên trong sổ tay của ông. Với ông, in hay không in, không quan trọng. Thú, thì viết. Viết cho mình đọc, là thú rồi.

Nhờ sự ngẫu nhiên này, bạn đọc được biết thêm một tác phẩm hay của ông. Bài thơ có rất nhiều câu thần thái. Nó phác họa được Hà Nội những năm kháng chiến với những nét đáng yêu.

Tôi hỏi ông với ý muốn được đọc tiếp các bài thơ khác trong sổ tay của ông. Ông cười rất lạnh. Ông cũng không có cả cuốn sổ tay riêng để chép thơ. Đôi ba bài thơ được ông ghi lẫn vào sổ mua gạo, mua mắm, hoặc sổ ghi công việc cơ quan. Ông lại là người không có thói quen thuộc thơ của mình. Viết thơ, viết hết mình, rồi lại quên đi. Tỉnh thoảng, bạn bè thân có chép lại, hoặc nhầm thuộc, là lưu lại được. Ông viết văn cũng vậy, cứ dập dập xoá xoá. Viết rất kỹ.

Rồi gửi báo, hoặc nhà xuất bản, chứ không lưu giữ cho mình bản nào. Ông có thú vui vẽ tranh. Vẽ sông núi, con đường, vệt nắng, con trâu, con bò ngẩn ngơ bên sườn đồi... Tôi nhớ là ông có bức tranh vẽ cây gạo rất đẹp. Cây gạo già nua đứng giữa cánh đồng quanh hiu, từng bùng nở hoa đỏ. Xem tranh, tôi liên tưởng tới sức sống lặng lẽ, mà quyết liệt của một thân phận con người. Không biết bức tranh ấy bây giờ ở đâu? Ai giữ bức tranh này?.

Ông vốn nghèo. Không có tiền mua sơn dầu hoặc chất liệu đắt tiền. Ông chỉ vẽ bằng bột màu, màu nước, loại chất liệu rẻ tiền cho các họa sỹ nghèo. Ấy thế, tranh của ông vẫn có vẻ đẹp lung linh đến lạ.

Vẽ tranh, với ông cũng chỉ là thú chơi. Có chút gì đó tài tử. Nhưng qua tranh, đã giải tỏa tinh thần ông rất nhiều.

Tôi còn nhớ, ông Thuật - một người bán sách cũ tinh đời ở Hà Nội (giới văn chương chữ nghĩa, một thời, nhiều người biết), có lần nói về văn thơ của ông Quang Dũng: Cái ông ấy, viết chữ nào ra chữ ấy. Nó như kẹo bột, như nước chè xanh, đỏ mà lẫn được!

Tôi thuộc bài thơ Mất người Sơn Tây từ rất lâu, trước khi được gặp ông. Bài thơ do một anh bạn làm thơ cùng quê Kinh Bắc chép tặng. Thời đó, bài thơ đâu có được in công bố. Nhưng chính với bài thơ ấy, tôi phải quyết đi tìm gặp ông. Thơ ông, đôi lúc, làm chấn động đời sống tinh thần của tôi.

Xét về sự xuất hiện trên văn đàn, có thể xếp Quang Dũng vào lớp nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp (mặc dù, Quang Dũng là người sáng tác thơ rất sớm, từ những năm 1937 - 1938).

Đặc điểm chung của thơ ca trong thời kỳ chống Pháp, là hào hứng phản ánh không khí sục sôi của cách mạng. Dòng chảy cách mạng đã cuốn hút mạnh mẽ cảm xúc các nhà thơ. Lý tưởng cao cả của nhà thơ là phục vụ cho sự nghiệp đấu tranh của dân tộc. Với nội dung phản ánh mới mẻ, thơ ca đã có những hình thức biểu hiện mới.

Tuy nhiên, trong những năm đầu cách mạng, thơ còn mang tính ước lệ. Thơ ca lúc này, vừa mang cảm hứng dào dạt của cách mạng thắng lợi, lại vừa mang không khí bơ vơ của những con người vừa từ tăm tối choàng ra ánh sáng. Thơ giai đoạn này còn thiếu những hình ảnh cụ thể về cuộc sống và con người mới.

Dần dần, hình ảnh người chiến sĩ ngoài mặt trận, người du kích, người dân công, bà mẹ kháng chiến, em bé giao liên đã được ghi đậm nét trong thơ qua các thời kỳ kháng chiến. Tình quân dân, tình đồng đội, tình đồng chí, đồng bào... đã dần trở thành những đề tài thường gặp.

Thơ thời kỳ kháng Pháp thường hướng về cái chung, cái chúng tôi, ít đề cập đến cái tôi, cái cá nhân. Trong thơ thường thấy ùng oàng súng đạn, thấy bước hành quân rầm rập, thấy tiếng hát hò... mà ít thấy nỗi niềm, tâm trạng. Cái mạnh của thơ ca thời kỳ này, là sự có mặt kịp thời, động viên cổ vũ kịp thời. Cái sôi nổi, hào hùng thì có, nhưng cái suy tư, lắng đọng thì ít.

Ngay thời kỳ đầu xuất hiện, Quang Dũng đã tìm cho mình cách thể hiện riêng. Bên cạnh cái chúng tôi, chúng ta, nhà thơ đã mạnh dạn khai thác cái tôi cái ta. Con người cá nhân thường hiện rõ trong thơ của ông. Tây Tiến là bài thơ viết về cái chung, nhưng nó lại có tâm trạng rất riêng. Đó là cuộc hành quân oai hùng và gian khổ. Nhà thơ đã phác họa vẻ đẹp hào hùng và bí tráng, niềm vui và nỗi buồn của người chiến sĩ. Khi các nhà thơ mới chỉ khai thác vẻ đẹp hào hùng của công việc, Quang Dũng đã khai thác tâm lý, tình cảm của con người trước công việc.

Ông không viết thơ chính luận, không đưa triết lý cao siêu vào thơ. Cái mạnh của thơ Quang Dũng, là cảm xúc mạnh và nồng ấm. Ngôn ngữ thơ ông giản dị, mộc mạc; nhưng lấp lánh, hào hoa. Thơ Quang Dũng là dòng thơ hướng nội. Ông ít quan tâm đến cách tân hình thức, không chủ trương tạo sự cầu kỳ rắc rối ngôn từ. Nhưng thơ ông vẫn trẻ, vẫn mới.

Thơ Quang Dũng thường nghiêng về tả. Qua tả, để giải bày cái tình của mình. Ông có biệt tài về tả. Bài thơ Những làng đi qua của ông là bức tranh thật đẹp về quê hương những ngày kháng chiến: Bằng con mắt quan sát tinh tế, chân mộc và chứa chan cảm xúc.

*Nhớ buổi trung đoàn ta ra đi
Tháng chạp màn sương trùm đất nước
Gió mùa, chết héo mạ non xanh
Sương muối thấm vào bao đạn ướt*

Cảnh trong thơ Quang Dũng không phải là cảnh khô cứng, nó có sức sống cuộn cuộn ở bên trong:

*Những làng trung đoàn ta đi qua
Tiếng quát dân quân đầu vọng gác
Vàng vọt trắng non đêm tháng chạp
Nùng rơm - khói thuốc - bạch đầu quân
Tự vệ xách đèn chai lỏi xóm
Khuya về chân khoả vội cầu ao
Nghe tiếng súng rơi miệng chiến hào
Bờ tre cây rơm thoi tịch mịch
Vỡ lá bàng khô bước du kích*

Đây là khổ thơ tài hoa của ông. Ông là người yêu làng quê, hiểu nếp sống và tập tục của người dân các xóm làng. Nùng rơm, đèn chai, cầu ao... Đó là những vẻ đẹp của làng quê thuần Việt. Ở cái làng quê đẹp và yên bình kia, cuộc sống vẫn cuộc chảy dồn dập. Dân quân ngoài trạm gác, các cụ bạch đầu quân ngồi bên nùng rơm hút thuốc lào. Cô tự vệ đi tuần về, tay xách đèn chai (thứ đèn làm bằng thân cái chai, che gió rất tốt) ra cầu ao khoả chân. Sau cái sôi động, dồn dập kia, vẻ đẹp thanh bình của thôn xóm lại hiện ra. Tiếng quả súng chín rơi rụng bên chiến hào. Tiếng bước chân du kích đi về trên ngõ đầy lá rụng Vỡ lá bàng khô bước du kích. Phải thấm sâu hồn quê, thấm sâu hồn kháng chiến như thế nào, ông mới vẽ nổi bức tranh đẹp và quý như vậy.

*Những làng trung đoàn ta đi qua
Lều chợ bay tro đêm lửa trại
Rạ thui bò khét cổng làng sau
Gạo thổi cơm sôi thơm ngõ ruổi*

và:

*Buồng chuối tiễn quân em mới cắt
Nhựa cây còn tuôn như sữa vắt.*

Đây là những câu thơ kỳ tài. Nó hay, không chỉ ở cái vẻ đẹp bên ngoài, mà còn bởi hồn vía bên trong các con chữ.

*Những là trung đoàn ta dừng lại
Tiếng nêu đưa khánh dưới mưa phùn
Hương đen ngũ quả, màu tranh Tết
Câu đối mực tàu bay xạ ngát
Cột nhà tre trúc giải gan vàng*

Mang câu đối đỏ niêm son sắt.

Sinh thời, nhắc đến Những làng đi qua nhà thơ Quang Dũng rất tâm đắc với hai câu:

*Chiều đến loa vang tin chiều sự
Khêu bác đèn con họp tiểu đoàn*

Ông thường nói: Cuộc chiến đấu ngày đó gian nan, vất vả, nhưng rất đẹp. Con người nhiệt tình, trong sáng, không biết thơ ca có thể hiện được điều ấy không?

Bài thơ Mắt người Sơn Tây của ông, thấy hiện diện rất rõ cái tôi của người viết:

*Tôi từ chinh chiến cũng ra đi...
...Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm.
...Tôi nhớ một thằng con bé nhỏ
...Bao giờ tôi gặp em lần nữa
...Còn có bao giờ em nhớ ta*

Bài thơ Tây Tiến không có một từ tôi hoặc ta nào, nhưng người đọc vẫn nhận rất rõ con người tác giả. Cái tôi và cái ta ở đây đã hoá thân trong cảm xúc, trong từng câu chữ. Một con người giàu cảm xúc, ý chí ngang tàng trước cái sống và cái chết, sự cứng rắn trước công việc và sự yếu mềm trước tình cảm... Cái tôi của tác giả, có pha màu “tiểu tư sản”, nó có đặc trưng rất riêng của Quang Dũng. Chính vì thế, ở thời điểm đó, nhiều người không chấp nhận được dòng thơ này. Tây Tiến của Quang Dũng, Ngày về của Chính Hữu, một thời đã bị phê bình mạnh mẽ, là do vậy.

Nếu lịch sử có nhiệm vụ ghi chép sự kiện của xã hội, thì thơ ca có sứ mệnh phản ánh tâm trạng của xã hội. Nhà thơ lớn, là người phản ánh được tâm trạng xã hội trong tác phẩm của mình.

Thơ Quang Dũng rất giàu nhạc điệu, giàu nét tạo hình. Mở đầu bài Tây Tiến, ông viết:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi*

Ba câu thơ đầu là lối nói thật, giọng điệu giản dị. Nhưng câu thơ thứ tư Mừng Lát hoa về trong đêm hơi thì thấy cái thần thái của nhà thơ. Khổ thơ tiếp theo, có âm điệu trập trùng, như nhịp đi của đoàn quân.

(a) *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm*
(b) *Heo hút cồn mây súng ngửi trời*
(c) *Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống*

Câu thơ thứ tư của khổ thơ, như nhịp đi của đoàn quân xoắn bước dài trên con đường bằng phẳng.

(d) *Nhà ai Phả Luông mưa xa khơi*

Đem giải mã khổ thơ này theo dấu bằng (-) trắc (/), thấy:

(a) /
(b) __
(c) __ /
(d) __ __ __ __ __ __

Mô hình biểu thị bằng trắc của khổ thơ, như biểu đồ mặt cắt của con đường hành quân. Khi trập trùng lên xuống, lúc xoắn ra bằng phẳng, nhịp nhàng.

Thơ Quang Dũng mang nhiều tính lượng tượng hình.
Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên mang điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có thấy dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.

Thơ ở đây, như hoà quyện: nhạc, hoạ và vũ điệu.
Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.

Sau cái khốc liệt, dữ dội, dồn nén của chiến tranh, để rồi lại bung ra chất lãng mạn rất người của lớp bộ đội kháng Pháp. Tây Tiến là bài thơ ngợi ca khí phách của một lớp người dần thân quen mình cho Tổ quốc. Đó là tráng ca về những chàng dũng sĩ có lý tưởng. Bài thơ mang phong cách riêng biệt của nhà thơ.

Sở trường của Quang Dũng, là viết thơ theo thể tự do. Trong tập thơ Mây đầu ô không có một bài thơ lục bát nào. Thơ của ông thường có dáng dấp thể hành, bài thơ thường dài, giọng điệu ngang tàng. Tây Tiến là bài thơ rõ nét nhất phong cách này.

Ông có cách nói ngược rất duyên và tạo ra phong cách rất Quang Dũng. Ví dụ:
Gió mùa chết héo mạ non xanh
(Nhẽ ra, nếu nói thuận, thì: Mạ non chết héo vì gió mùa)
Sương suốt thấm vào bao đạn ướt
(Nếu nói thuận, thì: Bao đạn thấm ướt vì sương muối).
Tiếng quát dân quân đầu vọng gác
(Nếu nói thuận, thì: Đầu vọng gác vang tiếng quát của dân quân).

Câu thơ Quang Dũng thường ngắn gọn, xúc tích. Ông là người ít chú ý đến vần điệu. Nhưng thơ ông lại rất giàu hình ảnh. Hình ảnh trong thơ ông luôn gợi mở tâm trạng. Thử đọc khổ thơ

“Chiều mưa núi” của ông:
Kỳ Sơn mây kéo nặng
Hoa trầu rụng đầy đường
....
Mưa dăng màn triền miên
.....
Mưa bao giờ cho yên.

Hoặc là cảnh thu quê:

Ngồi đây vùi tưởng đường quê hương
Lúa đã xanh xanh mấy nẻo đường
Cốm đã thơm mùi, hồng đã chín
Ao sau vườn cũ nước xanh trong

Và

*Long lanh bóng núi in sông biếc
Buồn nhớ thương ai lòng hiu hiu*

Tâm hồn Quang Dũng khoáng đạt. Tuy là người chinh chu hết mực với công việc, với gia đình, nhưng ông lại rất sợ sự gò bó, khuôn phép, máy móc. Ông là thi sĩ thích sự mệnh mang, xê dịch.

*Mây ở đâu ô mây lang thang
Ôi chật làm sao
Góc phố phường
Mây ở đâu ô
Hẹn những chân trời xa lạ*

Một tâm hồn nồng hậu, luôn yêu cái đẹp bình dị:

*Xe ngựa bình yên leo dốc đèo
...Đình đối quán sậy dựng phen lau
...Tôi nón trung du em về đâu?*

Có người nói thơ Quang Dũng ít tính thời sự. Nhưng thử hỏi tính thời sự trong thơ là gì? Nó là những con số, những sự kiện? Hay là những cảm xúc, trạng thái của con người mang dấu ấn xã hội trong mỗi giai đoạn? Tây Tiến, Mất người Sơn Tây, Những làng đi qua... chẳng đầy tính thời sự đó sao?

Có người nói thơ Quang Dũng nặng về sự u buồn, hơn là cái tươi vui. Nhận định này không chính xác. Thơ Quang Dũng có bài lắng, trầm và gợi buồn. Nhưng không tiêu cực, uỷ mị. Người ta có quyền buồn, có quyền xài cái xa xỉ ấy, nhưng không có quyền bi quan. Câu nói của Nadim Hitmét rất đúng với thơ Quang Dũng. Viết chiến tranh khốc liệt, nhưng Tây Tiến không bi quan, mà luôn hướng về niềm tin cao đẹp.

Quang Dũng làm thơ rất sớm. 16 tuổi, đã sáng tác Chiêu quân, 19 tuổi, viết Cổ quận. Nếu ông có ý thức lưu danh, gửi đăng những bài thơ này kịp thời, thì chắc ông đã được xếp vào đội ngũ các nhà thơ trước cách mạng, như Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh... Ông không được may mắn trong việc in ấn, công bố, công nhận. Viết thơ năm 16 tuổi. Nổi tiếng với bài thơ Tây Tiến năm 28 tuổi. Nhưng xuất bản tập thơ riêng đầu tiên Mây đầu ô (Nhà xuất bản Tác phẩm mới, 1986) khi ông đã 65 tuổi. Trớ trêu thay, tập thơ này in xong, ông đã mắc bệnh nằm liệt giường, không thể đọc lại được những dòng thơ mình trên trang in, không còn ký tặng sách cho bạn bè được nữa. In ấn, công bố ít. Không đăng đàn diễn thuyết trước công chúng. Vậy mà thơ Quang Dũng vẫn được nhiều người biết đến. Nhờ không khí văn nghệ đổi mới và dân chủ, những sáng tác văn học của Quang Dũng được đánh giá lại đúng đắn và khoa học hơn. Nhà xuất bản Văn học, năm 1988, đã xuất bản tuyển tập văn thơ của Quang Dũng. Sau ngày Quang Dũng mất, Nhà xuất bản Hội Nhà văn đã xuất bản tập sách chuyên đề về Quang Dũng. Báo chí in nhiều bài viết về sự nghiệp sáng tác của ông theo tinh thần khách quan.

Những tác phẩm của ông, như Tây Tiến, Mất người Sơn Tây, cũng như những bài thơ Bên kia sông Đuống của Hoàng Cầm, như Mầu tím hoa sim của Hữu Loan... một thời bị coi là thứ thơ uỷ mị, tiêu tư sản. Nhưng đến nay, người đọc càng quý trọng và đánh giá đúng giá trị của nó. Các tác phẩm này, đã được xếp hạng cùng các bài thơ hay của thời kỳ kháng Pháp, như Tình sông núi của Trần Mai Ninh, Lên Cấm Sơn của Tân Sắc, Nhớ của Hồng Nguyên.....

Nếu nói thơ ca hay ở giá trị chân thiện mỹ, thì thấy thơ Quang Dũng đã hướng về những giá trị đó. Ông sáng tác không chút vụ lợi. Quang Dũng không viết giả dối, không làm xiếc trên các

con chữ. Ông viết bằng tấm lòng, bằng xúc cảm của ông. Chính vậy, những tác phẩm của ông đã sống với thời gian, lắng sâu trong tâm trí người đọc.

Cuộc đời nghệ sĩ vốn chấp nhận sự thăng trầm. Trong đời sống, Quang Dũng nhiều phen chấp nhận sóng gió, chấp nhận sự không may mắn. Nhưng thơ lại ông luôn lấp lánh niềm tin trong sáng, yêu đời và lạc quan. Ham sống, ham đi, ham viết vẽ. Đó là tính cách của ông.

*Mũ hãy ngã cho nắng vàng mái tóc
Túi bên vai trời hừng núi lên rồi
Cột giầy thép gió lùa qua rào rạo
Hát lên đường, muôn dặm đường xa xôi.*

Quang Dũng không viết nhiều. Nhưng ông lại có nhiều tác phẩm sống vượt thời gian.

Tôi có được ở Mai Châu một đêm cuối thu. Mảnh trăng cuối tháng vằng vặc nổi chìm trong khí lạnh của núi rừng. Bản Mai Châu vẫn còn đầy vẻ thơ mộng và kỳ vĩ như bóng dáng câu thơ của ông thưở nào. Tôi lan man nghĩ, giá ngã ba đường vào bản Mai Châu, gắn biển chỉ đường với câu thơ Mai Châu mùa em thơm nếp xôi, hẳn làm xôn xao bao lòng du khách.

Nhớ về ông, lại nhớ kỷ niệm ngày ông về quê tôi chơi. Làng tôi, cái làng cổ vùng Kinh Bắc với nhiều tập tục lễ lối cổ và nặng nề. Máy bác cháu đạp xe đạp về đầu làng. Những mảng tường gạch rêu, những mái ngói thâm u, những con đường lát gạch nghiêng thập thững bước chân trâu, làm xôn xao cảm xúc trong ông. Nhưng niềm hứng khởi đó chưa được mấy phút, là bất ngờ đến với cả mấy bác cháu. Vào ngõ nhỏ dẫn về nếp nhà, thấy lổn nhồn người mặc áo xô trắng, chít khăn tang trắng. Nhà tôi có tang đột ngột ư? Không phải. Đó là đám tang cụ già hàng xóm. Tập tục quê tôi, nhà có việc hiếu, là ngồi nhờ cả mấy nhà sát kề gạch. Ông trưởng nam nhà đám, vốn là dân trí thức theo cách mạng từ thời kháng Pháp, thuộc nhiều thơ Quang Dũng. Được gặp nhà thơ, dù đang đứng đáp lễ bên linh cữu người mẹ, ông đã vội chạy tới vái nhà thơ Quang Dũng ba vái. Bất ngờ thấy người vái mình, nhà thơ Quang Dũng cũng khiêm nhường cúi đầu vái lại. Ông trưởng nam liền đọc mấy câu thơ của nhà thơ, mà ông thuộc từ thưở mặc áo lính:

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm...*

Giây phút ấy, mọi người và tôi đứng cạnh, cảm động vô chừng.

Nguồn: Trannhuong.com

Người thời xưa, thơ nay mới thấy
Viên Linh

Date:
Subject:

những đấng cha biết và yêu thương
của bố cháu

Một lần nữa cháu xin bày tỏ
lòng biết ơn tới chú, qua chú
tới những đấng cha, bạn bè có
tâm lòng hảo tâm đã giúp
đỡ mẹ cháu.

Kính chúc chú mạnh khỏe, luôn
tâm đắc sự thành thân trong cuộc
sống và trẻ mãi.

Cháu: Phạm Phương Thảo
Địa chỉ: Nhà phòng (tạ) thế
dệt kim
- Quận Hai Bà - Hà Nội.

*Thư của Phương Thảo, cô con gái út của Quang Dũng.
(Hình: Viên Linh cung cấp)*

Bài này không có mục đích viết về sự việc đi thuê truyện hay mượn truyện về đọc là tốt hay không tốt, mục đích là viết về vài mẩu chuyện tác giả nhận được sau khi bài "Tài liệu văn học quý hiếm" về Vũ Hoàng Chương đăng trên Người Việt Thứ Năm, 18 tháng 7, 2013. Kỳ này là bài thứ hai: "Tài liệu văn học quý hiếm" viết về nhà thơ Quang Dũng.

"Thưa chú Viên Linh,

...

"Một trong những bài thơ Quang Dũng cho tới giờ 2013, chưa thấy in ra ở trong nước cũng như ở hải ngoại là bài Trưa Hè vì mấy bài có nhan đề Trưa Hè in trong sách Quang Dũng Tuyển Tập do Trần Lê Văn chủ biên, sách Thế Giới Văn Học Quang Dũng, Người và Thơ do Lại Nguyên Ân chủ biên, và Thơ Quang Dũng do Đặng Tiến đề tựa Lê Hữu Khóa chủ biên ở hải ngoại, cả ba cuốn đó in bài thơ đề Trưa Hè, mà thực ra là bài Mây Làng. Bài ấy chỉ có hai chữ 'trưa hè' ở câu đầu, còn nguyên bài không nói gì về một buổi trưa mùa hè hết; đây là nguyên văn:

*Trưa hè bỗng nhớ sông quê
Nước xa không bóng thuyền đi đôi dòng
Thóc nhà ai có phơi không?
Chói chang lửa thóc sân trông bóng người*

*Vại mưa in dáng mây trời
Em soi bóng có nhớ người xa em?
Bờ tre gió đánh lá mềm
Thoảng say mùi nái bên thêm ai giảng*

*Xa quê dầu chẳng võ vàng
Trông mây núi nhớ mây làng về trưa.
(Mây Làng, Quang Dũng) 1947-50”*

Nó thực sự là bài Mây Làng, trong sưu tập Viên Linh mà con gái nhà thơ gửi cho. Dưới đây mới là bài Trưa Hè nguyên tác, chưa từng đăng báo in sách bao giờ, chỉ xuất hiện trên Tác Phẩm Khởi Hành chủ đề Quang Dũng và báo Người Việt hôm nay:

Trưa hè

*Nắng nặng đè lên phổi ép ran
Gió Lào hun nắng đốt không gian
Hồn trưa tịch mịch im trong cỏ
Đường bốc hơi xa thẳm núi ngàn*

*Đôi quán nằm im trong bóng lá
Bộ hành thêm thiếp nhớ trung châu
Kéo kẹt võng đưa người xứ Bắc
Oán than Kiều lấy một vài câu*

*Người thấy tâm tư nặng trĩu buồn
Trưa hè hiu quạnh gọi cô đơn
Cảnh vật đắm chìm trong trống rỗng
Gió Lào hun nắng đốt ran ran.*

Quang Dũng
(Trưa Hè, 1947-50. Khởi Hành số 201, 7.2013)

Chúng ta thấy thật rõ, như thế mới là trưa hè: sức ép đè nặng khiến phổi nóng ran, gió như hun nắng, trưa tịch mịch, đường bốc hơi, quán nằm im, bộ hành thêm thiếp, võng đưa kéo kẹt, cảnh vật đắm chìm trong trống rỗng nặng trĩu. Như thế mới thật sự là Trưa Hè.

*Xin liên lạc với tác giả: phamcongkh@yahoo.com
nếu quý bạn đọc biết có những gì là quý hiếm trong văn học*